

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG



(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (GCNĐKKD) số 5303000053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/1/2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 120/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 12 năm 2014)

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính: Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại: (84.73) 385 4245 Fax: (84.73) 385 4248 Website: www.huongvuongpanga.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897 Fax: (84.8) 3824 4259 Website: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Hà Việt Thắng

Chức vụ: Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hùng Vương

Điện thoại: (84.8) 3914 2668 Fax: (84.8) 3914 2668 Email: thanghaviyet@yahoo.com



CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (GCNĐKKD) số 5303000053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/1/2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hùng Vương
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành	:	57.199.917 cổ phiếu
Trong đó		
■ Cháo bán cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ (3:1)	:	43.999.936 cổ phiếu
■ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 10:1)	:	13.199.981 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá)	:	571.999.170.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84 8 3824 2897

Fax: 84 8 3824 4259

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84 4 3936 6321

Fax: 84 4 3936 6311

E-mail: ssi-hn@ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Bitexco Financial Tower, Tầng 28, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84 8 3824 5252

Fax: 84 8 3824 5250

Email: eyhcmc@vn.ey.com

Website: www.ey.com



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	Rủi ro về kinh tế	7
2.	Rủi ro về luật pháp	7
3.	Rủi ro do đặc thù	8
4.	Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	9
5.	Rủi ro pha loãng	9
5.1	Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share)	9
5.2	Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần	10
5.3	Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền	11
6.	Rủi ro khác	11
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
1.	Tổ chức phát hành	11
2.	Tổ chức tư vấn	12
III.	CÁC KHÁI NIỆM	12
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	13
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
1.1	Thông tin chung	13
1.2	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	17
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	19
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại	22
4.1	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan	22
4.2	Danh sách cổ đông sáng lập	23
4.3	Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt danh sách gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại	23
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:	23
5.1	Danh sách những công ty mẹ của Công ty	23
5.2	Danh sách những công ty con của Công ty	24
5.3	Danh sách những công ty liên doanh liên kết	24
5.4	Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:	24
5.5	Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối cổ phần đối với tổ chức phát hành:	24
6.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	25
7.	Hoạt động kinh doanh	26
7.1	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	26
7.2	Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành	28



7.3	Hoạt động Marketing.....	29
7.4	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	29
7.5	Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết	30
8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	31
8.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	31
8.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	32
9.	Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành	34
9.1	Vị thế của Công ty trong ngành	34
9.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	36
9.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	37
10.	Chính sách đối với người lao động	38
10.1	Số lượng người lao động trong Công ty	38
10.2	Chế độ làm việc; chính sách tuyển dụng, đào tạo; bảo hộ lao động; lương thưởng, trợ cấp	39
10.3	Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động	40
11.	Chính sách cổ tức	40
12.	Tình hình tài chính.....	41
12.1	Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh	41
12.2	Trích khấu hao tài sản cố định	44
12.3	Mức lương bình quân	44
12.4	Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	44
12.5	Các khoản phải nộp theo luật định	44
12.6	Trích lập các quỹ theo luật định.....	44
12.7	Tổng dư nợ vay	45
12.8	Tình hình công nợ.....	45
12.9	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	47
13.	Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát; Kế toán trưởng	48
13.1	Danh sách	48
13.2	Sơ yếu lý lịch	49
14.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty	62
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	63
15.1	Kế hoạch	63
15.2	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	63
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	64
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	64
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	64
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký.....	64
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	65
1.	Loại cổ phiếu.....	65
2.	Mệnh giá.....	65
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	65
4.	Giá chào bán dự kiến	65
5.	Phương pháp tính giá.....	65



6.	Phương thức phân phối.....	66
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu	67
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	69
9.	Phương thức thực hiện quyền	69
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	70
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	70
12.	Các loại thuế liên quan	70
	12.1 Đối với Công ty	70
	12.2 Đối với nhà đầu tư	70
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	71
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	72
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	72
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	72
	1. Tổ chức Chào bán.....	72
	2. Tổ chức Kiểm toán	72
	3. Tổ chức Tư vấn.....	73
IX.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	74
X.	PHỤ LỤC.....	75



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần và những người có liên quan.....	22
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 29/9/2014	23
Bảng 3: Cơ cấu Doanh thu của Công ty.....	26
Bảng 4: Sản lượng tiêu thụ theo thị trường	27
Bảng 5: Danh sách các hợp đồng lớn đã ký kết	30
Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	31
Bảng 8: Tỷ lệ cổ tức qua các năm.....	41
Bảng 9: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty	41
Bảng 10: Bảng kê sử dụng vốn và nguồn vốn	42
Bảng 11: Bảng phân tích biến động nguồn vốn và sử dụng vốn năm 2013.....	43
Bảng 12: Tình hình trích lập quỹ của Công ty qua các năm.....	44
Bảng 13: Số dư các khoản vay của Công ty qua các năm.....	45
Bảng 14: Số dư các khoản vay Công ty Mẹ qua các năm.....	45
Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty	45
Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu Công ty Mẹ	46
Bảng 17: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty	46
Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ.....	47
Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty	47
Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty Mẹ	48
Bảng 21: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	48
Bảng 22: Tài sản cố định hữu hình của Công ty	62
Bảng 23: Tài sản cố định vô hình của Công ty	62
Bảng 24: Lịch trình phân phối cổ phiếu	68

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty	17
Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	19



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2014 được dự báo có thể vượt mức 5,8% nhưng vẫn thấp hơn mức tăng trung bình 7% giai đoạn 2001 – 2009, tức thời điểm trước khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, ngành thủy sản vốn là thế mạnh của nền kinh tế Việt Nam, vẫn duy trì mức tăng trưởng ổn định và đóng góp nhiều cho cán cân thương mại. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm tại các thị trường xuất khẩu của Công ty có thể ảnh hưởng đến sức tiêu thụ thủy sản. Sản lượng xuất khẩu giảm sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro lạm phát

Mức tăng CPI của Việt Nam từ năm 2013 có xu thế chậm lại và duy trì ở mức thấp, giúp nền kinh tế ổn định hơn. Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ phần lớn ở thị trường nước ngoài, tuy nhiên, chi phí đều phát sinh trong nước và chi trả bằng đồng nội tệ. Việc CPI tăng trở lại có thể làm tăng các chi phí sản xuất, vận chuyển, chi phí lương, làm sụt giảm tỷ suất lợi nhuận và năng lực cạnh tranh của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Công ty sử dụng vốn vay Ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, vận hành vùng nuôi và dự trữ nguyên liệu. Chi phí lãi vay hiện nay đang ở mức thấp, và Công ty với thế mạnh xuất khẩu, luôn nhận được mức lãi suất tương đối thuận lợi từ các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, chi phí lãi vay vẫn có thể sẽ tăng trở lại trong một số trường hợp, làm tăng chi phí tài chính, làm giảm lợi nhuận và năng lực cạnh tranh của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Tỷ giá đồng Việt Nam so với các ngoại tệ (đặc biệt là Đô-la Mỹ) những năm qua luôn biến động, ảnh hưởng đến hoạt động của các Doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng ngoại tệ. Để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư ra các dự án ở nước ngoài, HVG đã tiến hành vay một số khoản vay bằng đồng Đô-la Mỹ. Tập đoàn HVG có nguồn thu ngoại tệ trong tương lai từ bán các sản phẩm xuất khẩu để thanh toán các nghĩa vụ đối với các khoản vay ngoại tệ giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Hùng Vương chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Ngoài ra, khi trở thành Công ty đại chúng đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động của Công ty sẽ phải tuân thủ theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế các luật và văn bản luật trên có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch chính sách kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối chủ trương của Đảng và Nhà Nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh cho phù hợp.



3. Rủi ro do đặc thù

Công ty Cổ phần Hùng Vương sản xuất và kinh doanh ba (03) sản phẩm chính là cá da trơn, tôm và thức ăn chăn nuôi cùng các sản phẩm phụ khác thu được trong quá trình sản xuất.

Công ty có quy trình khép kín với vùng nuôi tôm và cá để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy chế biến, và tự sản xuất thức ăn chăn nuôi cho ngư trường của mình. Công ty cần thu mua nhiều nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi, đòi hỏi nguồn vốn lưu động lớn. Việc thiếu hụt nguồn vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nhà máy thức ăn và nguồn thức ăn cho vùng nuôi của Công ty. Công ty có thể sẽ phải mua thức ăn từ các Nhà cung cấp khác với mức chi phí cao hơn, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận kinh doanh. Giá cả nguyên liệu sản xuất thức ăn có thể biến động tăng, làm tăng giá thành tôm và cá nguyên liệu, qua đó làm giảm biên lợi nhuận của Công ty. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng vào mục đích bổ sung vào vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty, từ đó giảm thiểu rủi ro tài chính cho Công ty trong năm 2015.

Bên cạnh nguồn nguyên liệu tự cung cấp, Công ty thu mua lượng lớn tôm và cá từ các vùng nuôi gần khu vực sản xuất của mình. Biến động về nguồn cung và giá thu mua sẽ ảnh hưởng đến khả năng cung ứng sản phẩm và lợi nhuận của Công ty. Tại những thời điểm cần mua trữ lượng lớn nguyên liệu đầu vào, Công ty có thể sẽ dùng đến nguồn vốn vay ngân hàng, chi phí lãi vay cao sẽ ảnh hưởng đến giá thành sản xuất của Công ty.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm chính của Công ty là các thị trường xuất khẩu như Châu Âu, Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc. Các thị trường này áp dụng nhiều tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng sản phẩm và các yêu cầu về chất lượng có xu hướng ngày càng phức tạp hơn. Công ty phải không ngừng đầu tư vào công tác quản trị chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm, đòi hỏi nguồn lực tài chính không nhỏ. Sản phẩm của Công ty khi không đáp ứng được các tiêu chuẩn nhập khẩu sẽ không được tiêu thụ tại các thị trường đó, sẽ phát sinh kinh phí xử lý, đồng thời, Công ty sẽ không thể ghi nhận doanh thu khi hàng hóa không được tiêu thụ. Bên cạnh đó, việc không đáp ứng được tiêu chuẩn nhập khẩu còn ảnh hưởng tiêu cực đến thương hiệu Công ty nói riêng và Ngành thủy hải sản Việt Nam nói chung, có thể sẽ dẫn đến nhiều khó khăn khi Công ty xuất khẩu các lô hàng kế tiếp.

Các mặt hàng xuất khẩu của Công ty có thể bị xem xét và áp dụng các loại thuế chống phá giá. Mức thuế cao có thể ảnh hưởng đến sức tiêu thụ hàng hóa và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

Hoạt động chế biến thủy sản đòi hỏi lực lượng công nhân chế biến lớn và ổn định, có tay nghề và khả năng làm việc dưới áp lực cao khi hoạt động sản xuất vào mùa cao điểm. Sự thiếu hụt lao động sẽ ảnh hưởng đến năng suất của các nhà máy chế biến. Bên cạnh chi phí nguyên vật liệu, lương trực tiếp của Công nhân chế biến chiếm một phần không nhỏ trong cơ cấu giá thành, các biến động tăng của CPI, mức lương cơ bản hoặc các yếu tố khác tác động làm tăng mức lương sẽ ảnh hưởng đến giá thành, từ đó làm giảm năng lực cạnh tranh của sản phẩm Công ty và tỷ suất lợi nhuận. Công ty cũng luôn phải đầu tư nguồn lực tài chính vào các chương trình phúc lợi để giữ lực lượng lao động luôn ổn định và thu hút lao động mới, tránh việc Người lao động có tay nghề bị các đối thủ trong ngành tuyển dụng.

Thành phẩm của Công ty được sản xuất tại các nhà máy khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và vận chuyển về các kho lạnh hoặc cảng lớn để xuất khẩu. Chi phí xăng dầu biến động tăng sẽ làm tăng chi phí vận chuyển, ảnh hưởng đến lợi nhuận và sức cạnh tranh của Công ty



4. **Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán**

Đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, điều này sẽ gây ảnh hưởng đến kế hoạch tài trợ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh như dự kiến. Trong trường hợp cổ phiếu không được mua hết, số tiền thu về không đủ để tài trợ cho mục đích chào bán, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn vay để bổ sung. Ngoài ra, ĐHCĐ đã ủy quyền cho HĐQT phân phối số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho Cổ đông hiện hữu.

5. **Rủi ro pha loãng**

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần và (iii) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền.

Sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty dự kiến tăng lên tương ứng như sau:

Vốn điều lệ hiện tại	1.319.998.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (“SLCP đang lưu hành”)	131.999.810
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu (“SLCP chào bán CĐHH”)	43.999.936
Số lượng cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu (“SLCP phát hành từ NVCSH”)	13.199.981
Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành mới	57.199.917
Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành (“Tổng SLCP dự kiến sau khi phát hành”)	189.199.727
Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	1.891.997.270.000

5.1 **Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share)**

Thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (“EPS”) có khả năng suy giảm nếu tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phần do phát hành thêm.

Công thức tính EPS như sau:

$$\text{EPS (cơ bản)} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X \times 12 + Y \times T}{12}$$

- X: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm



- T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả định ngày hoàn tất đợt phát hành của Công ty là ngày 31/3/2015 (i). Khi đó:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (năm 2015)} &= \frac{131.999.810 \times 12 + 57.199.917 \times 9}{12} \\ &= 174.899.747 \text{ cổ phiếu} \end{aligned}$$

Giả định lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty là: 800.000.000.000 đồng (ii). Khi đó:

$$\begin{aligned} \text{■ EPS năm 2015 trước khi pha loãng là} &= \frac{800.000.000.000}{131.999.810} \\ &= 6.060 \text{ đồng/cổ phiếu} \\ \text{■ EPS năm 2015 pha loãng là} &= \frac{800.000.000.000}{174.899.747} \\ &= 4.574 \text{ đồng/ cổ phiếu} \end{aligned}$$

- Với 2 giả định gồm: (i) đợt chào bán hoàn tất vào ngày 31/3/2015 và (ii) lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty đạt 800 tỷ đồng, thì sau khi chào bán, EPS năm 2015 của Công ty trong ví dụ này giảm 24,5% so với trước khi phát hành thêm cổ phiếu.
- Tuy nhiên, như đã nói ở phần đầu, EPS chỉ suy giảm nếu tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu do phát hành thêm. EPS của Công ty trong năm 2014 là 2.206 đồng/cổ phiếu (xem thêm tại Mục IV.12.9). Với kế hoạch Công ty dự kiến năm 2015 đạt mức doanh thu 20.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.000 tỷ đồng (xem thêm tại Mục IV.15) thì EPS năm 2015 có nhiều khả năng sẽ cao hơn năm 2014 dù Công ty thực hiện phát hành tăng vốn.

5.2 Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$$

Khoản mục		BCTC hợp nhất (30/9/2014)	BCTC riêng (30/9/2014)
Nguồn vốn chủ sở hữu	(1)	2.420.063.914.811	1.708.669.151.670
SLCP đang lưu hành	(2)	131.999.810	131.999.810
SLCP chào bán CĐHH	(3)	43.999.936	43.999.936
SLCP phát hành từ NVCSH	(4)	13.199.981	13.199.981
Tổng SLCP dự kiến sau khi phát hành	(5)	189.199.727	189.199.727
Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2014	(6)=(1)/(2)	18.334	12.944
Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/9/2014 điều chỉnh theo kết quả phát hành tăng vốn điều lệ lên 1.891.997.270.000 đồng	(7)=[(1)+(3)*10.000]/(5)	15.117	11.357



5.3 Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

Việc phát hành thêm sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu. Cụ thể, tại ngày giao dịch không hưởng quyền (i) quyền mua thêm cổ phiếu và (ii) quyền nhận cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (hai quyền này được chốt cùng một ngày), giá tham chiếu cổ phiếu (P_{tc}) của Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức như sau:

- Công thức tính:
$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$
- Trong đó :
 - ✓ P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn, đây là giá cần xác định
 - ✓ PR_{t-1} : là giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền
 - ✓ I : là tỷ lệ vốn tăng
 - ✓ PR : là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.
- Tham khảo:
 - ✓ PR_{t-1} : Giả sử giá cổ phiếu HVG tại thời điểm phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền là 50.000 đồng/cổ phần.
 - ✓ I : Tỷ lệ vốn tăng là 43,33% trong đó 33,33% là chào bán cho cổ đông hiện hữu giá 10.000 đồng/cổ phần và phát hành cổ phiếu thưởng 10% (cổ đông không phải nộp thêm tiền)
 - ✓ PR : Giá cổ phiếu mới phát hành cho cổ đông giữ quyền mua trong đợt phát hành mới là 10.000 đồng/cổ phần
 - ✓ P_{tc} : Giá tham chiếu cổ phiếu HVG trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:
$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I} = \frac{50.000 + 33,33\% \times 10.000}{1 + 43,33\%} = 37.210 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bảo lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây lắp của Công ty như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn công trình. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Hùng Vương

Ông Dương Ngọc Minh

Ông Trần Hiếu Hòa

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ: Kế toán trưởng



Ông Võ Minh Phương

▪ Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

▪ Chức vụ: Giám đốc phụ trách phía Nam - Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Hùng Vương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Hùng Vương cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

▪ SKHĐT:	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang
▪ UBCK:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ HOSE:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ VSD:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – CN Tp. HCM
▪ Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Hùng Vương
▪ Công ty:	Công ty Cổ phần Hùng Vương
▪ Hùng Vương:	Công ty Cổ phần Hùng Vương
▪ HVG:	Công ty Cổ phần Hùng Vương
▪ ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
▪ HĐQT:	Hội đồng Quản trị
▪ BTGD:	Ban Tổng Giám đốc
▪ BKS:	Ban Kiểm soát
▪ Điều lệ Công ty:	Điều lệ Công ty Cổ phần Hùng Vương
▪ ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
▪ SXKD:	Sản xuất kinh doanh
▪ BCTC:	Báo cáo tài chính
▪ CTCP:	Công ty Cổ phần
▪ CP:	Cổ phần
▪ HĐ:	Hợp đồng



- | | |
|--------------------|---|
| ■ NĐT: | Nhà đầu tư |
| ■ Thuế TNDN: | Thuế Thu nhập doanh nghiệp |
| ■ Thuế TNCN: | Thuế Thu nhập cá nhân |
| ■ TSCĐ: | Tài sản cố định |
| ■ Công ty TNHH: | Công ty Trách nhiệm Hữu hạn |
| ■ Cổ Phiếu Thường: | Cổ phiếu được Công ty phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu |

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Thông tin chung

- Tên Doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG
- Tên tiếng Anh : Hung Vuong Corporation
- Tên viết tắt : HVG
- Trụ sở chính : Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
- Điện thoại : (84) 73 3854245
- Fax : (84) 73 3854248
- Website : www.hungvuongpanga.com
- Nơi mở tài khoản : Ngân hàng Vietcombank - Số hiệu tài khoản: 0071002949538
- Vốn điều lệ hiện tại : 1.319.998.100.000 đồng
- Hoạt động chính của công ty mẹ và các công ty con là: (i) Nuôi trồng thủy sản nội địa; (ii) Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; (iii) Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; (iv) Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất và (v) Kinh doanh kho lạnh, Kiểm nghiệm hóa sinh.



1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- **2003:** Công ty Cổ phần Hùng Vương tiền thân là Công ty TNHH Hùng Vương được thành lập và đi vào hoạt động sản xuất tại khu Công Nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang năm 2003 với ngành nghề chính là chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu. Vốn điều lệ ban đầu là 32 tỉ đồng.
- **2006:** Từ công suất ban đầu 50 tấn/ngày và 500 công nhân viên, Công ty đã không ngừng lớn mạnh vươn đến công suất 300 tấn/ngày với hơn 3000 lao động năm 2006.
- **2007:** Tháng 1 năm 2007 Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 120 tỉ đồng. Thực hiện chiến lược đầu tư vào chuỗi cung ứng khép kín, Hùng Vương tiến hành đầu tư góp vốn vào các Công ty về chế biến và xuất khẩu thủy sản, nuôi trồng thủy sản, kho lạnh và thức ăn chăn nuôi như : Công ty TNHH Châu Á; Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long; Công ty TNHH An Lạc – Tiền Giang, và kho lạnh của Công ty TNHH An Lạc – Tp HCM; góp vốn thành lập Trung tâm nuôi trồng thủy sản với vốn kinh doanh 150 tỷ đồng; và kho lạnh, vốn điều lệ 30 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Hùng Vương cũng là cổ đông sáng lập các công ty này.
- **2008:** Trong năm 2008, công ty tiếp tục mở rộng xuất khẩu sang các thị trường mới đồng thời đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào sản xuất. Công ty tiếp tục mua lại cổ phần chi phối các công ty con như Công ty TNHH Hùng Vương – Sa Đéc và thành lập Công ty Cổ Phần Châu Âu
Công ty sở hữu 7 nhà máy đủ điều kiện xuất khẩu sang các nước EU tại 3 tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long và Đồng Tháp với công suất chế biến đạt trên 800 tấn nguyên liệu/ngày và trên 5000 lao động có tay nghề.
Ngoài ra, Công ty còn sở hữu hơn 250 ha diện tích nuôi trồng mặt nước thuộc quản lý của Công ty nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây, cùng với hơn 150 ha nuôi trồng thủy sản của các hộ cá thể mà Hùng Vương hợp tác lâu dài. 2 nguồn này đóng góp hơn 50% nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất của Hùng Vương.
- **2009:** Ngày 16/11/2009, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép Niêm yết số 141/QĐ-SGDHCM và chính thức giao dịch vào ngày 25/11/2009.
- **2010:** ❖ **Mua lại AGF**
Năm 2010, Công ty hoàn tất việc mua lại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGF), nắm giữ cổ phần kiểm soát 51%. AGF sở hữu 106 hecta diện tích nuôi trồng và công suất chế biến là 300 tấn nguyên liệu cá/ngày.
Việc mua lại AGF không chỉ giúp công ty tăng năng suất mà còn mở rộng sang các thị trường khác, ngoài thị trường châu Âu. Nhờ AGF, Hùng Vương có thể thâm nhập thị trường Mỹ - một trong ba thị trường thủy sản quan trọng nhất trên thế giới. Mỹ có nhu cầu tiêu thụ mạnh và rủi ro tín dụng tương đối thấp.
- **2011:** ❖ **Mua lại FBT**
Từ tháng 04 năm 2011, Công ty triển khai phương án mua cổ phần Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre (FBT) của Tổng Công Ty Đầu Tư



Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước (SCIC). Đến 31/12/2011, công ty nắm giữ 2.724.290 cổ phiếu FBT với tỷ lệ sở hữu là 18%.

FBT có diện tích nuôi trồng khá lớn, ước tính tổng cộng 800ha dành cho cá tra/basa và tôm. Hai nhà máy chế biến thủy sản có tổng công suất 120 tấn nguyên liệu/ngày.

Công ty dự kiến sẽ hỗ trợ FBT nuôi tôm.

❖ **Thành lập Công ty Hùng Vương – Ba Tri chuyên cung cấp cá giống**

Năm 2011, Công Ty Cổ Phần Hùng Vương Ba Tri ra đời nhằm mục tiêu cung cấp cá giống sạch bệnh, đạt chuẩn cho vùng nuôi của Hùng Vương, giúp Hùng Vương luôn chủ động được nguồn cá giống.

■ **2012: ❖ Mua lại VTF**

Nhằm đẩy mạnh khép kín quy trình sản xuất kinh doanh cá tra xuất khẩu, từ khâu sản xuất thức ăn, nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu phi lê cá Công ty đã thực hiện việc mua lại Công ty Thức Ăn Chăn Nuôi Việt Thắng (VTF), đây là công ty sản xuất thức ăn cho cá đầu ngành.

1. Tháng 7/2012, mua 3 triệu cổ phần phát hành thêm với giá 20.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 14,27%;
2. Tháng 10/2012, Công ty đã hoàn tất chào mua công khai 3 triệu cổ phiếu VTF. Kết thúc việc chào mua, HVG sở hữu 6 triệu cổ phần của VTF, tương ứng tỷ lệ 28,54%.

❖ **Mua lại CTCP Sản xuất Chế biến Thủy sản Tắc Vân**

Tháng 6/2012, HĐQT Công ty quyết định mua lại 25% cổ phần Thủy sản Tắc Vân – có trụ sở tại Cà Mau hoạt động trong lĩnh vực chế biến tôm.

■ **2013 ❖ Tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu tại VTF**

1. Tháng 1/2013, Công ty đã mua lại 5,63 triệu cổ phiếu VTF từ công ty liên kết là CTCP Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây, sở hữu 11.630.000 cổ phiếu VTF, tăng tỷ lệ sở hữu từ 28,54% lên 55,31%;
2. Tháng 5/2013, hoàn tất việc mua thêm cổ phần VTF trong đợt VTF chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, sở hữu 17.445.000 cổ phiếu tương đương tỷ lệ 56,63%;
3. Tháng 7/2013, VTF trả cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty sở hữu 23.260.000 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 56,63%

❖ **Mua FMC**

Mở rộng sang lĩnh vực chế biến và xuất khẩu tôm. Tháng 4/2013, Công ty hoàn tất mua 5 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("**FMC**") trong đợt chào bán riêng lẻ của FMC, tương đương tỷ lệ sở hữu 39,26%.

FMC là Công ty xuất khẩu tôm lớn, có 170 ha ao nuôi tôm và 90% đầu ra xuất khẩu chủ yếu cho hai thị trường Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Việc đầu tư lần lượt vào FBT và FMC giúp Hùng Vương tiếp cận ngành chế biến tôm theo một chuỗi giá trị đầy đủ (nuôi trồng – chế biến – xuất khẩu).



❖ **Duy trì tỉ lệ sở hữu tại AGF trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu**
Tháng 10/2013, hoàn tất việc mua cổ phiếu AGF trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, số lượng cổ phần sở hữu là 13.136.932 cổ phiếu tương đương 51,41% vốn điều lệ của AGF.

■ **2014**

❖ **Tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu tại VTF**

1. Tháng 5/2014, Công ty đã hoàn tất chào mua công khai 2,5 triệu cổ phiếu VTF. Kết thúc việc chào mua, HVG sở hữu 25.760.000 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 61,21%,
2. Tháng 6/2014, Công ty mua thêm 2 triệu cổ phiếu VTF, sở hữu 27.760.000 cổ phiếu, tương đương 66,39%
3. Tháng 10/2014, Công ty tiếp tục chào mua công khai 4 triệu cổ phiếu VTF, nhằm nâng tổng số lượng cổ phiếu sở hữu lên 31.760.000 cổ phiếu tương đương 75,96% vốn điều lệ VTF (418.127.810.000 đồng), thời gian thực hiện đến 31/11/2014.

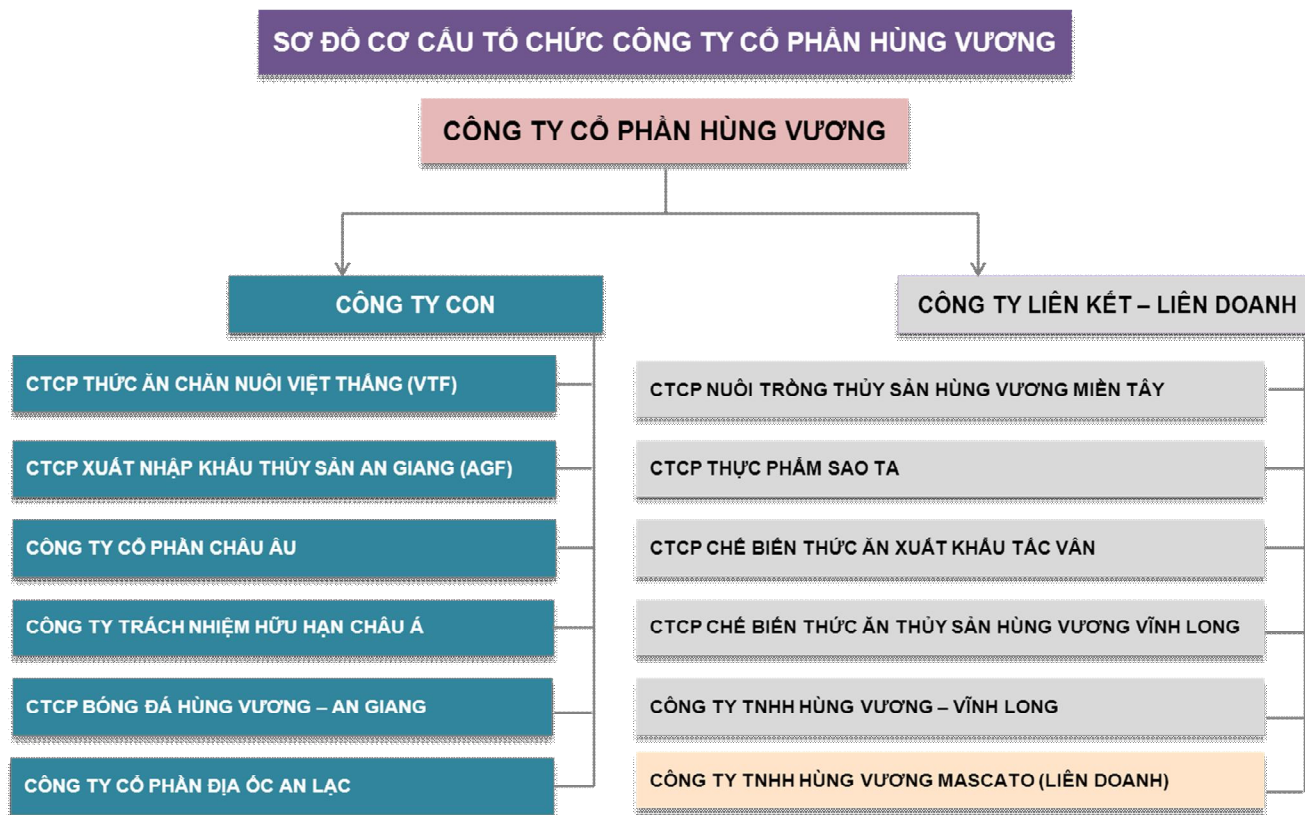
❖ **Nâng tỷ lệ sở hữu tại AGF**

Tháng 5/2014, Công ty đã hoàn tất chào mua công khai 6 triệu cổ phiếu AGF. Kết thúc việc chào mua, HVG sở hữu 19.136.932 cổ phiếu, nâng tỉ lệ sở hữu từ 51,41% lên 74,89% tại AGF.



2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: HVG



TT	THÔNG TIN CÁC CÔNG TY THUỘC CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HÙNG VƯƠNG
CÔNG TY CON	
1.	CTCP Thức Ăn Chăn Nuôi Việt Thắng (VTF) Trụ sở chính: Lô II-1, II-2, II-3 Khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Kinh doanh thức ăn và nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; chăn nuôi thủy sản.
2.	CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (AGF) Trụ sở chính: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh, chế biến và xuất nhập khẩu thủy hải sản đông lạnh, nông sản thực phẩm và vật tư nông nghiệp.
3.	Công Ty Cổ Phần Châu Âu Trụ sở chính: Lô 69, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam Hoạt động kinh doanh chính: Nuôi trồng, Chế biến Thủy sản
4.	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Châu Á Trụ sở chính: Lô 38 – 39 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến thủy sản
5.	CTCP Bóng Đá Hùng Vương – An Giang Trụ sở chính: Sân vận động An Giang, số 99 Lê Văn Nhung, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang Hoạt động kinh doanh chính: Câu lạc bộ bóng đá
6.	Công Ty Cổ Phần Địa Ốc An Lạc Trụ sở chính: 765 Hồng Bàng, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư bất động sản
CÔNG TY LIÊN KẾT	
1.	CTCP Nuôi Trồng Thủy Sản Hùng Vương Miền Tây Trụ sở chính: Lô 46, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Hoạt động kinh doanh chính: Nuôi trồng Thủy sản
2.	CTCP Thực Phẩm Sao Ta (FMC) Trụ sở chính: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng Hoạt động kinh doanh chính: Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, mua bán lương thực, thực phẩm nông sản sơ chế.
3.	CTCP Chế Biến Thức Ăn Xuất Khẩu Tắc Vân Trụ sở chính: Số 180A, Ấp Cây Trâm, Xã Định Bình, Thành phố Cà Mau.

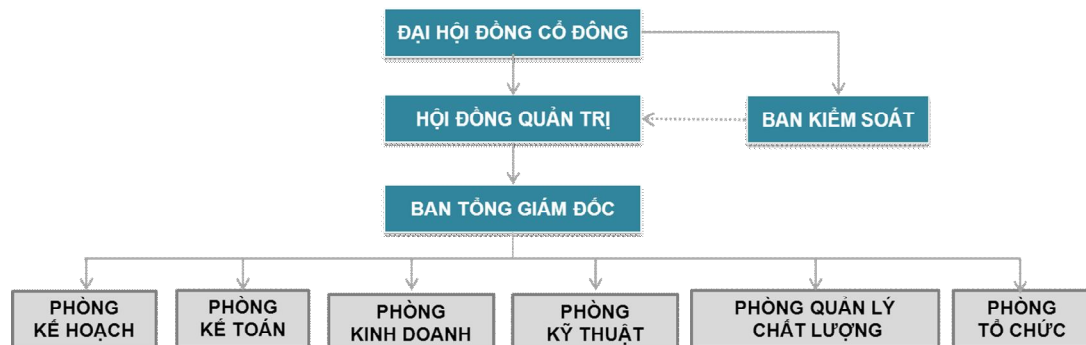


TT	THÔNG TIN CÁC CÔNG TY THUỘC CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HÙNG VƯƠNG
	Hoạt động kinh doanh chính: Nuôi trồng, Chế biến và Xuất nhập khẩu thủy sản
4.	CTCP Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Hùng Vương Vĩnh Long Trụ sở chính: Lô 69, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Hoạt động kinh doanh chính: Thức ăn chăn nuôi
5.	Công Ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long Trụ sở chính: Số 197, đường 14/9, Phường 5, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long Hoạt động kinh doanh chính: Nuôi trồng, Chế biến và Xuất nhập khẩu thủy sản
CÔNG TY LIÊN DOANH	
1.	Công Ty TNHH Hùng Vương Mascato Trụ sở chính: Lô 41 - 42, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến và Xuất nhập khẩu thủy sản

Nguồn: HVG

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: HVG

❖ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm



quyền ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT xây dựng định hướng, chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT gồm (05) năm thành viên. Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT tối đa là 5 năm và có thể được bầu lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

HĐQT có các trách nhiệm chính như sau:

- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty, bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý của Công Ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức.

❖ **Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Hiện tại, Ban Kiểm soát gồm (03) ba thành viên gồm (01) một Trưởng ban và (02) ba Thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 5 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trách nhiệm chính của Ban Kiểm soát là kiểm tra tính hợp lý, tính hợp pháp của các hoạt động kinh doanh, xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý và kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT Công ty.

❖ **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc đều do HĐQT bổ nhiệm. Hiện tại, Công ty có Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc tham gia làm việc toàn thời gian cho Công Ty. Trách nhiệm chính của Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc là:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm và thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua.

❖ **Các Phòng ban:** là những bộ phận trực tiếp điều hành công việc của Công ty theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Các phòng ban của Công ty gồm:

(i) Phòng Kế hoạch

- Theo dõi lịch trình của các hãng vận chuyển Quốc tế để thuê vận chuyển;
- Tham mưu cho Giám đốc về các cơ hội xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường;



- Chịu trách nhiệm triển khai các kế hoạch sản xuất theo hợp đồng hoặc kế hoạch;
- Cố vấn cho việc hoạch định chiến lược kinh doanh, mục tiêu kinh doanh trong dài hạn và lộ trình thực hiện.

(ii) Phòng Kế toán

- Phản ánh và kiểm tra tình hình vận động của các loại tài sản, quá trình sử dụng vốn, tài sản và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh tế, tính toán nguồn vốn cho các hoạt động kinh tế của đơn vị;
- Tham mưu về việc phân phối thu nhập và tích lũy vốn theo điều lệ và chế độ nhà nước;
- Thông qua hoạt động nghiệp vụ kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách quản lý kinh tế tài chính của đơn vị.

(iii) Phòng Kinh doanh

- Phụ trách quản lý hoạt động kinh doanh của công ty.
- Chịu trách nhiệm xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả, các kế hoạch marketing, phối hợp với phòng Kế hoạch phát triển các phương án mở rộng thị trường.
- Liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nước ngoài trong hoạt động xuất nhập khẩu, kinh doanh hàng hoá của Công ty. Thực hiện công tác chào hàng, tiếp nhận đơn đặt hàng và giao hàng, đồng thời có chức năng tìm hiểu, đánh giá thông tin thị trường, thông tin khách hàng, tiếp xúc khách hàng để nắm bắt kịp thời nhu cầu của khách hàng.
- Hoàn thành các thủ tục hồ sơ (lập tờ khai hải quan, vận đơn đường biển, chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hóa đơn....) để khách hàng có thể nhận hàng đúng theo hợp đồng đã ký kết.

(iv) Phòng Kỹ thuật

- Phụ trách tư vấn lãnh đạo về các thông số kỹ thuật của các máy móc thiết bị; Bố trí, theo dõi lắp đặt các hệ thống máy lạnh, nồi hơi, kho lạnh v.v...
- Chịu trách nhiệm vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị
- Lên kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kì. Lập kế hoạch thẩm định các máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

(v) Phòng Quản lý Chất lượng

- Phụ trách quản lý và cập nhật các hồ sơ, tài liệu về HACCP, ISO, HALAL và các tiêu chuẩn khác. Kiểm tra, đôn đốc và duy trì các hệ thống quản lý chất lượng Quốc tế;
- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, vận hành hoạt động quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quy định được áp dụng trong Công ty. Nghiên cứu, cải tiến công nghệ chế biến;
- Phối hợp với phòng Kinh doanh, phòng Kỹ thuật để tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm khi có khiếu nại của khách hàng.
- Lấy mẫu và kết quả phân tích để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho phòng sản xuất, kiểm nghiệm vi sinh và kháng sinh, kiểm hàng trước khi xuất.



- Kết hợp với các bộ phận có liên quan để tổ chức đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ công nhân viên các quy trình vệ sinh an toàn thực phẩm.

(vi) Phòng Tổ chức

- Phụ trách các vấn đề về xây dựng bộ máy tổ chức, bố trí nhân sự của công ty đáp ứng với các yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ;
- Tham vấn cho Tổng giám đốc trong việc thực hiện các chế độ chính sách, lao động, tiền lương, tiền thưởng cho người lao động;
- Chịu trách nhiệm tăng cường thực hiện nội quy công ty, các biện pháp nâng cao năng suất lao động, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất của Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan

Theo quy định tại khoản 34 điều 6 Luật Chứng khoán thì người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
- b) Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- d) Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- e) Công ty mẹ, công ty con;
- f) Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần và những người có liên quan tại ngày 29/9/2014

TT	Tên cổ đông và mối quan hệ	Mối quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Dương Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	44.739.238	37,28%
2	Dương Thị Ngọc Hồng	Con	0	0%
3	Nguyễn Thị Trừ	Mẹ	0	0%
4	Dương Ngọc Hương	Em	0	0%



TT	Tên cổ đông và mối quan hệ	Mối quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
5	Dương Ngọc Lang	Em	0	0%
6	Nguyễn Ngọc Huệ	Em	0	0%
7	Dương Ngọc Hà	Em	0	0%
8	Nguyễn Thị Ngọc Sương	Em	0	0%
9	Nguyễn Văn Sang	Em	0	0%

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp “trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.

Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực. Do đó, danh sách cổ đông sáng lập sẽ không liệt kê dưới đây, theo quy định của Phụ lục 02A Mẫu Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng, ban hành kèm thông tư số 204/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012.

4.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt danh sách gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 29/9/2014

TT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I <i>(I)=(II)+(III)</i>	Tổng số vốn thực góp	119.999.993	100%
II	Trong nước	106.382.949	88,65%
1	Cá nhân	105.350.199	87,79%
2	Tổ chức	1.032.750	0,86%
III	Nước ngoài	13.617.044	11,35%
1	Cá nhân	800.387	0,67%
2	Tổ chức	12.816.657	10,68%

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

5.1 Danh sách những công ty mẹ của Công ty

Không có



5.2 Danh sách những công ty con của Công ty

Danh sách Công ty con của Hùng Vương tại thời điểm 30/9/2014 như sau:

TT	Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (AGF)	Tỉnh An Giang	Sản xuất và xuất khẩu thủy sản	79,58%
2	Công Ty Cổ Phần Châu Âu	Tỉnh Tiền Giang	Nuôi trồng, chế biến hải sản xuất khẩu và thức ăn gia súc gia cầm	80,00%
3	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Châu Á	Tỉnh Tiền Giang	Nuôi trồng thủy sản, chế biến, xuất khẩu thủy sản	90,00%
4	CTCP Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng (VTF)	Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm	66,39%
5	CTCP Bóng Đá Hùng Vương – An Giang	Tỉnh An Giang	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	50,58%
6	Công Ty Cổ Phần Địa Ốc An Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	Phát triển bất động sản	76,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng 2014 của HVG

5.3 Danh sách những công ty liên doanh liên kết

Danh sách Công ty liên doanh liên kết của Hùng Vương tại thời điểm 30/9/2014 như sau:

TT	Tên công ty liên doanh liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty liên kết			
1	CTCP Nuôi Trồng Thủy Sản Hùng Vương Miền Tây	Nuôi trồng thủy sản	48,00%
2	CTCP Thực Phẩm Sao Ta	Nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản (tôm)	39,26%
3	CTCP Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Hùng Vương Vĩnh Long	Sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm	38,75%
4	Công Ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long	Nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản (cá)	31,67%
5	CTCP Chế Biến Thức Ăn Xuất Khẩu Tắc Vân	Nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản (tôm)	25,00%
Công ty liên doanh			
6	Công Ty TNHH Hùng Vương Mascato	Chế biến, xuất khẩu thủy sản (cá)	60,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng 2014 của HVG

5.4 Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Không có

5.5 Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối cổ phần đối với tổ chức phát hành:

Không có

**6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty**

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng	Vốn điều lệ sau khi tăng	Phương thức tăng vốn	Đơn vị cấp
Thành lập công ty			120.000.000.000		
2007	Lần1:15/2/2007-20/5/2007	130.000.000.000	250.000.000.000	Phát hành riêng lẻ	Sở KHĐT
	Lần2:01/06/2007-05/07/2007	50.000.000.000	300.000.000.000	Phát hành riêng lẻ	Sở KHĐT
	Lần3:20/7/2007-25/11/2007	50.000.000.000	350.000.000.000	Phát hành riêng lẻ	Sở KHĐT
2008	Lần4:01/12/2007-30/03/2008	62.400.000.000	412.400.000.000	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược và cho cán bộ công nhân viên	Sở KHĐT
	Lần5:31/10/2008	82.480.000.000	494.880.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu 20%	UBCK
2009	Lần6:14/9/2009	98.975.930.000	593.855.930.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 20%	UBCK
		6.144.000.000	599.999.930.000	Phát hành cho CBCNV	UBCK
2010	Lần7:26/5/2010	59.980.800.000	659.980.730.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỉ lệ 10%	UBCK
2012	Lần8:29/8/2012	131.995.960.000	791.976.690.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 20%	UBCK
2013	Lần9:17/7/2013	12.034.970.000	804.011.660.000	Phát hành cho CBCNV	UBCK
		395.988.270.000	1.199.999.930.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 50%	UBCK
2014	Lần10:13/8/2014	119.998.170.000	1.319.998.100.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỉ lệ 10%	UBCK

Nguồn: HVG



7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

❖ **Mô tả các sản phẩm chính của Công ty**

Công ty Cổ phần Hùng Vương sau nhiều thương vụ mua bán Công ty, hiện nay thông qua công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu các loại thực phẩm chế biến từ cá tra và tôm, cùng nhiều phụ phẩm thu được từ quá trình chế biến. Bên cạnh đó, nhằm phát triển vùng nuôi, chủ động về sản lượng cũng như chất lượng của nguồn tôm và cá nguyên liệu đầu vào, Công ty đã đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi phục vụ cho ngành nuôi trồng thủy sản nội bộ và các vùng nuôi lân cận.

❖ **Cơ cấu tổng doanh thu và Cơ cấu sản lượng tiêu thụ theo thị trường của Công ty**

Bảng 3: Cơ cấu Doanh thu của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		9 tháng năm 2014	
		Giá trị	(%)	Giá trị	(%)	Giá trị	(%)
1	Doanh thu xuất khẩu từ hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	4.380.503	56,53%	3.959.605	35,42%	3.138.891	29,10%
2	Doanh thu nội địa từ hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	513.727	6,63%	883.672	7,90%	1.460.153	13,53%
3	Doanh thu nội địa từ phụ phẩm chế biến	362.581	4,68%	725.591	6,49%	438.007	4,06%
4	Doanh thu nội địa từ thức ăn chăn nuôi	0	0,00%	3.466.804	31,01%	2.721.984	25,23%
5	Doanh thu nội địa từ hàng hóa khác	2.748.336	31,98%	2.121.237	18,97%	2.912.954	27,00%
6	Doanh thu từ hoạt động gia công	0	0,00%	0	0,00%	103.653	0,96%
7	Doanh thu kinh doanh kho lạnh	12.167	0,16%	18.451	0,17%	8.529	0,08%
8	Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.376	0,02%	655	0,01%	491	0,00%
9	Doanh thu từ CLB Bóng đá Hùng Vương An Giang	276	0,00%	287	0,00%	560	0,01%
10	Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	191	0,00%	2.918	0,00%	2.968	0,03%
Tổng cộng		7.749.157	100%	11.179.219	100%	10.788.189	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013 và BCTC Quý III năm 2014 của Công ty



Cơ cấu doanh thu của Công ty hiện nay trở nên đa dạng hơn, giảm bớt sự phụ thuộc vào 2 lĩnh vực chính là xuất khẩu thủy sản và kinh doanh bã đậu nành.

Năm 2012, xuất khẩu thủy sản và kinh doanh bã đậu nành lần lượt đóng góp 56,53% và 31,98%, tương đương 88,51% tổng doanh thu của cả năm tài chính. Kinh doanh thủy sản tại thị trường trong nước và phụ phẩm đóng góp 11,31% doanh thu thuần, các hoạt động kinh doanh khác chiếm 0,18% tổng doanh thu.

Năm 2013, Hùng Vương đã nâng tỉ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Việt Thắng lên trên 50% và hợp nhất kết quả kinh doanh của Việt Thắng vào Công ty mẹ, nhờ đó, cơ cấu doanh thu trở nên đa dạng hơn. Ba hoạt động kinh doanh chính, đóng góp lớn nhất cho doanh thu năm tài khóa 2013 gồm Xuất khẩu thủy sản, Kinh doanh thức ăn chăn nuôi và Kinh doanh bã đậu nành với tỉ trọng lần lượt là 35,42%, 31,01% và 18,97%, tổng cộng chiếm 85,41% tổng doanh thu của cả năm. Kinh doanh thủy sản tại thị trường trong nước và phụ phẩm đóng góp 14,40%, các hoạt động kinh doanh còn lại đóng góp 0,20% doanh thu.

Trong 9 tháng đầu năm 2014, Xuất khẩu thủy sản, Kinh doanh thức ăn chăn nuôi và Kinh doanh bã đậu nành chiếm 81,33% tổng doanh thu với tỉ trọng từng ngành hàng lần lượt là 29,10%, 25,23% và 27,00%. Ngoài ra, tỉ trọng lĩnh vực kinh doanh thủy sản tại thị trường trong nước cũng tăng lên mức 13,53%, so với các mức 6,63% và 7,90% trong các năm 2012 và 2013. Doanh thu từ phụ phẩm chiếm 4,06%, các ngành hàng còn lại đóng góp 1,08%.

Bảng 4: Sản lượng tiêu thụ theo thị trường

Đơn vị: tấn

TT	Thị trường	Năm 2012	Tỉ trọng	Năm 2013	Tỉ trọng	9 tháng 2014	Tỉ trọng
1	Mỹ	11.556	13.6%	22.076	26.0%	9.149	13.7%
2	Tây Ban Nha	11.728	13.8%	12.623	14.9%	9.098	13.6%
3	Ukraine	10.285	12.1%	2.631	3.1%	3.730	5.6%
4	Mexico	7.482	8.8%	4.078	4.8%	5.718	8.6%
5	Brazil	2.368	2.8%	3.055	3.6%	6.726	10.1%
6	Nga	16.518	19.5%	14.915	17.6%	4.264	6.4%
7	Hơn 20 thị trường khác	24.946	48.8%	25.552	30.1%	28.190	42.2%
	Tổng cộng	84.884	100%	84.928	100%	43.357	100%

Nguồn: HVG

Từ năm 2012 đến hết quý 3 năm 2014, doanh thu của Công ty dịch chuyển từ thị trường Nga, Ukraine sang các thị trường Mỹ và Tây Âu, vốn có độ ổn định cao hơn và rủi ro thanh toán thấp hơn.

Bên cạnh đó, thị trường Đông Âu thường nhập khẩu các sản phẩm cá da trơn có hệ số chuyển đổi nguyên liệu thấp, trong khi đó, các nước Mỹ, Tây Âu sử dụng sản phẩm hệ số chuyển đổi từ



nguyên liệu sang thành phẩm cao hơn, có giá trị tốt hơn. Việc Công ty dịch chuyển cơ cấu doanh thu sang các thị trường phát triển này góp phần cải thiện giá trị xuất khẩu và biên lợi nhuận, đồng thời giảm mức phụ thuộc vào các thị trường có tính rủi ro.

7.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Trong ngành chế biến thủy sản nói chung và chế biến tôm, cá tra nói riêng, chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất là tôm cá nguyên liệu, chi phí này chiếm hơn 80% giá thành sản phẩm, ảnh hưởng từ giá nguyên liệu đến lợi nhuận của công ty vì thế rất lớn. Việc xác định giá tôm cá nguyên liệu trên thị trường là vấn đề khó, cần phải xử lý thông tin kịp thời, chính xác để có thể dự báo giá thị trường từng tháng, từng quý, đồng thời quản lý được tỷ lệ nguyên liệu tự nuôi và mua ngoài.

Nhằm giảm thiểu rủi ro từ việc này, HVG luôn chú trọng đến việc đầu tư mở rộng vùng nuôi. Cho đến năm 2013, công ty đã triển khai nuôi được 321 ha cá nguyên liệu, thu hoạch 132 ngàn tấn cá, đáp ứng trên 75% nhu cầu nguyên liệu của toàn công ty. Để việc nuôi cá phát triển được bền vững, Công ty chủ động xây dựng một trung tâm giống hiện đại, ứng dụng công nghệ hiện đại trong việc lai tạo, phát triển những gen tốt cho cá tra giống để cải thiện hiệu quả nuôi trồng qua việc rút ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng cho cá..., từ đó sẽ giảm chi phí cho việc nuôi cá, kiểm soát giá thành trong việc nuôi, nâng cao chất lượng cá thành phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt, có tính cạnh tranh hơn và là một trong những chìa khóa để phát triển bền vững cho ngành cá tra Việt Nam.

Song song với việc mở rộng vùng nuôi, HVG cũng tăng cường đầu tư vào mảng chế biến thức ăn thủy sản để luôn chủ động được nguồn thức ăn đạt tiêu chuẩn chất lượng. Trong năm 2013 và 2014, ngoài việc nâng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng (từ 28,54% lên 66,39%), Hùng Vương còn đầu tư mới vào Công ty Cổ phần Thức ăn thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long và Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh với tổng công suất 200.000 tấn/năm. Như vậy, Hùng Vương đã có được 4 công ty chuyên chế biến thức ăn, đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng trong hệ thống. Việc đầu tư cho hoạt động sản xuất thức ăn còn giúp công ty có điều kiện hỗ trợ những hộ nuôi để đảm bảo nguồn cá nguyên liệu mua ngoài được ổn định cả về chất lượng và số lượng.

Cũng trong năm 2013, công ty đã đẩy mạnh việc nuôi tôm thông qua công ty liên kết Fimex với việc đầu tư lớn khu nuôi tôm tại ấp Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng quy mô tổng diện tích 163 ha. Công trình này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, triển khai nuôi từ cuối tháng 03/2013. Tuy mảng nuôi tôm là lĩnh vực còn mới mẻ, nhưng với sự tự tin của mình, sự chu đáo cẩn thận trong việc triển khai công việc, việc nuôi tôm năm 2013 của Công ty đã mang về thành quả vô cùng khả quan. Sản lượng đã thu hoạch là 560 tấn. Lợi nhuận đạt 15 tỷ đồng. Ngoài tiền lãi, cái được lớn của nuôi tôm là có thêm nguyên liệu sạch, có cơ hội thuyết phục thêm khách hàng về chất lượng sản phẩm của Fimex và hạn chế một phần ảnh hưởng từ việc biến động giá nguyên liệu đầu vào trong lĩnh vực chế biến. Năm 2014, Fimex dự kiến thu hoạch được khoảng 1.500 tấn tôm nguyên liệu, đáp ứng được khoảng 10% nhu cầu cả năm và dự báo đến năm 2017, vùng nguyên liệu nuôi sẽ đáp ứng được khoảng 18-20% nhu cầu của Công ty.



7.3 Hoạt động Marketing

Việt Nam có thế mạnh về phát triển nông – lâm – ngư nghiệp, do đó, các sản phẩm thủy sản của Hùng Vương và nhiều công ty cùng ngành cũng được nhiều thị trường trên thế giới tiêu thụ. Tuy nhiên, Công ty luôn chủ động quảng bá thương hiệu, sản phẩm và chất lượng sản phẩm của mình đến các khách hàng truyền thống và khách hàng tiềm năng bằng các phương pháp phổ thông như tham gia các hội chợ thủy sản, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Việc Hùng Vương là một công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, thường xuyên thực hiện nhiều nghĩa vụ công bố thông tin, cổ phiếu được đưa vào các chỉ số lớn của thị trường chứng khoán cũng giúp cho hình ảnh Công ty được quảng bá rộng rãi hơn.

Thông qua Thị trường chứng khoán, Hùng Vương cũng đã tiến hành mua lại cổ phần của các doanh nghiệp thủy sản tốt và có thương hiệu được xây dựng bài bản, thị trường xuất khẩu ổn định. Thông qua các Công ty được mua lại này, Hùng Vương có thể đẩy mạnh doanh số nhờ vào thương hiệu và thị trường, nguồn lực sẵn có tại đây.

7.4 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

■ Thương hiệu đăng ký:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG
■ Logo Công ty:	
■ Nhãn hiệu Công ty đã được đăng ký độc quyền số 62450 theo Quyết định số: A4392/QĐ – ĐK ngày 05/05/2005 do cục Sở hữu Trí tuệ cấp.	
■ Ý nghĩa logo:	– Cá heo là 1 loại cá thân thiện với môi trường và con người. là loại cá có trí thông minh cao, biểu tượng của hòa bình và biển cả; – HV là tên công ty viết tắt cách điệu; – Màu xanh tượng trưng cho biển, màu vàng đỏ tượng trưng cho ánh bình minh; – Hình vuông tượng trưng cho bốn bể và sự vuông tròn.



7.5 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 5: Danh sách các hợp đồng lớn đã ký kết

TT	Số hiệu và ngày tháng HĐ	Khách hàng/Nhà cung cấp	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện HĐ	Tình trạng HĐ
1	S22973 ngày 21/05/2014	CARGILL INTERNATIONAL TRADING PTE LTD	Bã đậu nành	3.003.750,00 USD	Tháng 05/2014	Đã thực hiện
2	S1430 302 (SAS-6230-A) ngày 18/06/2014	PETER CREMER (S) GmbH	Bã đậu nành	3.632.850,00 USD	Tháng 08/2014	Đã thực hiện
7	HVN/MAS 2014/01 ngày 20/08/2014	MASCATO ASIA LTD	Cá tra	292.106,88 USD	Tháng 10/2014	Đã thực hiện
8	05/HV-AMF/14 ngày 16/09/2014	"AMIFISH" CO., LTD	Cá tra	1.747.200,00 USD	Tháng 10/2014	Đã thực hiện
3	S6Y4522-C ngày 14/04/2014	LOUIS DREYFUS COMMODITIES	Bã đậu nành	4.464.685,00 USD	Tháng 10/2014	Đang thực hiện
4	06/HV-RF/14 ngày 20/10/2014	CJSC "Russian Fish Company" Russia	Cá tra	3.937.500,00 USD	Tháng 11+12/2014	Đang thực hiện
5	SMAL1366~7, SMAL1369~70, SMAL 1372~3, SMAL 1375~6, SMAL1377~89 ngày 07/06/2014	SEA-MART CO., LTD.	Cá tra	1.098.720,00 USD	Tháng 09+10+11+12 /2014	Đang thực hiện
6	03/HV-RF/14 ngày 15/09/2014	CJSC "Russian Fish Company" Russia	Cá tra	2.520.000,00 USD	Tháng 10+11+12/2014	Đang thực hiện



8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% thay đổi 2013 so với 2012	9 tháng 2014
1	Tổng giá trị tài sản	4.697.750	6.867.792	46,19%	6.625.374
2	Doanh thu thuần	5.820.387	6.804.209	16,90%	6.382.157
3	Lợi nhuận từ HĐKD	302.098	6.142	-97,97%	123.584
4	Lợi nhuận khác	-6.174	-4.017	-34,94%	-1.755
5	Lợi nhuận trước thuế	295.925	2.125	-99,28%	121.829
6	Lợi nhuận sau thuế	271.233	33.287	-87,73%	117.407
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%		20%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý III năm 2014 của Công ty Mẹ

Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% thay đổi 2013 so với 2012	9 tháng 2014
1	Tổng giá trị tài sản	6.390.857	9.989.772	56,31%	9.735.517
2	Doanh thu thuần	7.688.523	11.042.964	43,63%	10.788.189
3	Lợi nhuận từ HĐKD	262.596	160.149	-39,01%	433.055
4	Lợi nhuận khác	3.522	30.242	758,66%	31.486
5	Lợi nhuận trước thuế	322.287	292.160	-9,35%	496.182
6	Lợi nhuận sau thuế	285.256	296.009	3,77%	450.025
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	20%		20%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2014

Giai đoạn từ năm 2012 đến nay, tổng tài sản của HVG có xu hướng tăng đều qua các năm và tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng cơ cấu tài sản, bình quân dao động từ 74% - 82%. Trong đó, chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là các khoản phải thu và hàng tồn kho. Tuy nhiên, hàng tồn kho của Công ty đang có xu hướng giảm dần từ 37,51% trong năm 2012 đến nay chỉ còn 34,60% trong 6 tháng năm 2014, cho thấy Công ty đã kiểm soát khá tốt hàng tồn kho. Tài sản dài



hạn nhìn chung vẫn giữ tỷ trọng ổn định và luôn ở mức thấp, chiếm khoảng 12% so với tổng tài sản, bởi Công ty không đầu tư thêm nhiều tài sản cố định có giá trị lớn.

Năm 2013 được đánh giá là năm khó khăn của ngành thủy sản nói chung và của HVG nói riêng, nhờ vào việc nâng tỷ trọng sở hữu tại VTF từ 28% năm 2012 lên 55,63% năm 2013 nên đã góp phần không nhỏ vào hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể doanh thu thuần tăng 56,31% trong đó mảng thức ăn thủy sản của VTF chiếm gần 32%. Cũng vì hợp nhất VTF nên đã ảnh hưởng rất lớn đến tổng chi phí của HVG mà điển hình là giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp, tăng lần lượt là 52,33% và 36,20% làm cho lợi nhuận hoạt động kinh doanh năm 2013 sụt giảm mạnh so với năm 2012. Tuy nhiên, với hơn 101 tỷ đồng lãi từ các công ty liên doanh liên kết nên đã phần nào cải thiện khoản mục lợi nhuận sau thuế, đạt 296 tỷ đồng tăng nhẹ 3,77% so với cùng kỳ năm trước.

Đến 9 tháng đầu năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh của HVG vượt ngoài mong đợi với doanh thu thuần đạt 10.788 tỷ đồng, tăng 39,92% và hoàn thành 77,06% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 496 tỷ đồng, tăng 47,67% so với cùng kỳ và hoàn thành 70,88% kế hoạch.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Đvt: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013		9 tháng 2014	
		Giá trị	Giá trị	% thay đổi	Giá trị	% thay đổi
1	Doanh thu thuần	7.688.523	11.042.964	43,63%	10.788.189	39,92%
-	Nuôi trồng, chế biến thủy sản (XK)	4.319.869	3.823.351	-11,49%	3.138.891	-2,11%
-	Thức ăn thủy sản	-	3.466.804	-	2.721.984	3,53%
-	Hàng hóa khác	2.478.336	2.121.237	-14,41%	2.912.954	251,42%
-	Nuôi trồng, chế biến thủy sản (NĐ)	513.727	883.672	72,01%	1.460.153	182,34%
-	Phụ phẩm chế biến	362.581	725.591	100,12%	438.007	-13,23%
-	Dịch vụ khác	14.010	22.310	59,24%	116.201	388,38%
2	Giá vốn hàng bán	6.602.936	10.058.267	52,33%	9.870.718	43,28%
-	Nuôi trồng, chế biến thủy sản (XK)	3.795.193	3.376.089	-11,04%	2.713.582	0,88%
-	Thức ăn thủy sản	0	3.189.111	-	2.547.879	3,51%
-	Hàng hóa khác	2.095.842	2.029.204	-3,18%	2.720.768	269,34%
-	Nuôi trồng, chế biến thủy sản (NĐ)	358.131	724.751	102,37%	432.691	-0,27%



TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013		9 tháng 2014	
		Giá trị	Giá trị	% thay đổi	Giá trị	% thay đổi
-	Phụ phẩm chế biến	317.994	701.108	120,48%	1.327.290	162,94%
-	Dịch vụ khác	35.776	38.005	6,23%	128.507	106,77%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	57.600	188.346	226,99%	210.556	140,37%
4	Chi phí tài chính	-283.017	-325.003	14,84%	-200.540	-3,22%
-	Chi phí lãi vay	-267.454	-247.697	-7,39%	-184.736	1,82%
5	Chi phí bán hàng	-461.050	-501.942	8,87%	-373.823	14,07%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-136.524	-185.949	36,20%	-120.609	35,79%
7	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	262.596	160.149	-39,01%	433.054	51,76%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2014

Kết quả hoạt động kinh doanh của HVG trong 9 tháng đầu năm 2014 tăng trưởng khá tốt, với doanh thu thuần đạt 10.788 tỷ đồng, tăng 39,92% so với cùng kỳ năm 2013. Đồng thời, lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính đạt 433 tỷ đồng, tăng 51,76% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do:

- Tăng trưởng tốt doanh thu tiêu thụ cá tra trong nước và kinh doanh khô dầu đậu nành (hàng hóa khác).
- Kinh doanh khá hiệu quả mảng bánh dầu đậu nành, với mức doanh thu ghi nhận đạt 2.913 tỷ đồng và ước tính khoảng 208.000 tấn bánh dầu được xuất bán trong 9 tháng năm 2014 với mức giá dao động khoảng 14.000 đồng/kg. Đồng thời, với thế mạnh là nhà phân phối bánh dầu đậu nành lớn nhất Việt Nam nên HVG sẽ vẫn duy trì được tốc độ doanh thu tốt, theo đó tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng này trong 9 tháng đầu năm đạt 8,50% cao hơn mức 4,34% trong cả năm 2013.
- Giá trị tiêu thụ cá tra nội địa tăng mạnh, đạt 1.460 tỷ đồng tăng 182,34% so với 9 tháng đầu năm 2013.
- Doanh thu tài chính tăng 140,37% so với cùng kỳ, đạt 210 tỷ đồng trong đó trong kỳ Công ty ghi nhận khoản thu nhập tài chính bất thường là 146 tỷ đồng, bao gồm:
 - Lãi từ bất lợi thương mại: Công ty đã mua 6 triệu cổ phiếu AGF nâng tỷ lệ sở hữu từ 51,4% lên 74,9% do HVG mua AGF với giá thấp hơn giá trị hợp lý (giá trị này được xác định theo chứng thư định giá) nên HVG được ghi nhận 108,9 tỷ đồng từ bất lợi thương mại.
 - Lợi nhuận từ bán một công ty con: Trong 9 tháng đầu năm 2014, AGF đã bán một công ty con ở Mỹ nên HVG được ghi nhận lợi nhuận 37,1 tỷ đồng từ giao dịch này.
- Mặt khác, Công ty đã kiểm soát tốt chi phí tài chính, đạt 200 tỷ đồng, giảm 3,22% so với cùng kỳ do Công ty không phải trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn.
- Tại Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam ("EY Việt Nam"). Trong Báo cáo kiểm toán



Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do EY Việt Nam phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 có đoạn Vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến các khoản nợ tiềm tàng chủ yếu liên quan đến thuế chống bán phá giá (“ADT”). Thông tin thêm về vấn đề này cụ thể như sau:

- Tập đoàn có các khoản nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu liên quan đến ADT. Từ tháng 7 năm 2004, theo yêu cầu của Bộ Thương mại Mỹ (“BTM Mỹ”), các công ty xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ sẽ chịu các mức thuế suất khác nhau tùy vào kết quả kiểm tra của BTM Mỹ. ADT được tính toán và thu bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào Mỹ. Do công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu An Giang (là công ty con của Công ty) xuất khẩu cá tra vào thị trường Mỹ, nên Tập đoàn thuộc đối tượng bị chi phối của luật này.
- Do các kỳ kiểm tra (POR) lần thứ 9 và 10 của BTM Mỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 7 năm 2012 và từ ngày 1 tháng 8 năm 2012 đến ngày 31 tháng 7 năm 2013 chưa được công bố chính thức, kết quả sau cùng của vấn đề này hiện tại chưa thể xác định được. Theo đó, Tập đoàn chưa trích lập dự phòng cho bất kỳ khoản nợ nào có thể phát sinh liên quan đến vấn đề này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, ngoại trừ các khoản thuế đã được trả dựa trên mức thuế suất được thông báo trong các POR trước (lần 7 và 8).
- Công ty đã thuyết minh đầy đủ nội dung khoản thuế trên như một khoản công nợ tiềm tàng và chưa ghi nhận khoản nợ nào trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với hướng dẫn và yêu cầu Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.
- Do mức độ quan trọng của vấn đề nêu trên và để lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính, EY Việt Nam đã trình bày nội dung vấn đề này trong đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh” trên Báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2014 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 706 – Đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh” và “Vấn đề khác” trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính.

9. Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

a. Đối với mảng chế biến cá xuất khẩu

HVG là một trong những công ty chế biến cá tra được thành lập sớm tại Việt Nam với đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm và đã tạo dựng được thương hiệu được nhiều người tiêu dùng và đối tác biết đến, nhờ vào tính ổn định trong sản lượng và chất lượng của các sản phẩm, quy trình sản xuất khép kín, thương hiệu luôn được Công ty chú trọng quảng bá và trách nhiệm cao đối với xã hội và môi trường của Công ty. Đây là những yếu tố làm nên một HVG luôn duy trì mức tăng trưởng tốt trong suốt 11 năm hoạt động của mình.

Cả nước hiện nay có hơn 160 doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu cá tra, nhưng phần lớn là các doanh nghiệp nhỏ, chưa chú trọng phát triển vùng nuôi. Các doanh nghiệp này chủ yếu thu mua cá từ các hộ nuôi cá để chế biến, do đó, khó đạt được sự đồng nhất về chất lượng của cá nguyên liệu cũng như sản phẩm đầu ra. Bên cạnh đó, trước tình hình giá cả thức ăn chăn nuôi tăng cao, người nuôi cá phần lớn đã treo ao do làm ăn thua lỗ, dẫn đến tình hình thiếu hụt nguyên liệu. Do không



thể kiểm soát chi phí đầu vào và nguồn nguyên liệu, sức cạnh tranh cũng như khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ sẽ giảm sút đáng kể.

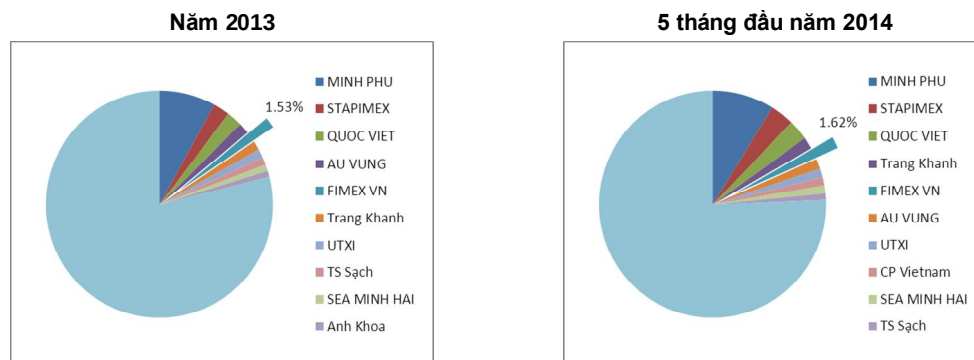
Trải qua giai đoạn sàng lọc này, các doanh nghiệp nhỏ có thể sẽ khó duy trì hoạt động, và thị trường sẽ dần dần thuộc về các công ty có chiến lược phát triển bài bản, chú trọng đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và quy mô sản xuất khép kín. HVG là một trong số các doanh nghiệp đi tiên phong trong chiến lược phát triển ổn định đó. Công ty hiện có vùng nuôi cá lên đến 321 ha, đạt các tiêu chuẩn vệ sinh chất lượng vùng nuôi.

b. Đối với mảng chế biến tôm xuất khẩu

Hoạt động trong một lĩnh vực tập trung rất nhiều doanh nghiệp chế biến tôm lớn và nhỏ với sự cạnh tranh khá gay gắt, Công ty luôn luôn ý thức được vị thế của mình trong ngành để từ đó có những kế hoạch hợp lý, những quyết sách đúng đắn nhằm giữ vững và ngày một nâng cao vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác.

Mặc dù mới tham gia mảng chế biến xuất khẩu tôm trong một vài năm gần đây nhưng Công ty luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Fimex, một công ty liên kết trong tập đoàn HVG đã nhiều năm dẫn đầu kim ngạch xuất khẩu thủy sản vào thị trường Nhật Bản và luôn nằm trong top 5 các doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu tôm lớn nhất nước kể từ khi bắt đầu hoạt động và vị thế này vẫn được giữ vững đến năm 2014. Fimex đã được Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý như: Huân chương lao động, cờ thi đua, các danh hiệu, bằng khen của Nhà nước, Chính phủ và các cơ quan ban ngành.

Thị phần các công ty xuất khẩu tôm năm 2013 và 5 tháng đầu năm 2014



Nguồn: Vasep

c. Đối với mảng thức ăn chăn nuôi

Vị thế của Công ty đã và đang từng bước khẳng định trong những năm qua với việc đầu tư mạnh mẽ vào công ty cổ phần thức ăn thủy sản Việt Thắng. Việt Thắng là một trong những Công ty đầu tiên sản xuất thức ăn cho cá, được thành lập trong giai đoạn đầu phát triển của ngành nuôi cá tra. Sau gần 11 năm hoạt động, từ Công ty với công suất sản xuất 30.000 tấn/năm, Việt Thắng đang dẫn đầu thị trường thức ăn cá tại Việt Nam, chiếm 16% thị phần thức ăn cá tra của trên 40 công ty sản xuất thức ăn cho cá da trơn, tổng sản lượng năm 2013 đạt gần 380.000 tấn.

Việt Thắng đã đầu tư các dây chuyền sản xuất thức ăn thủy sản hiện đại được nhập khẩu từ Mỹ và Châu Âu, phù hợp với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000: 2005. Công ty không ngừng cải tiến chất lượng thức ăn cá tra nhằm mục tiêu tăng chất lượng cá thịt và nhằm giảm đáng kể hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR). Đây là một trong những định hướng nuôi bền vững nhằm giảm tác động đến môi trường và tăng hiệu quả kinh tế. Ngoài ra, Việt Thắng đã được cấp



giấy chứng nhận theo tiêu chuẩn GlobalGAP của tổ chức Bureau Veritas Certification (BVC). Giấy chứng nhận GlobalGAP là giấy thông hành để người nuôi Cá tra và Basa Việt Nam sử dụng thức ăn thủy sản dễ dàng thâm nhập vào những thị trường khó tính như các nước Châu Âu, Nhật, Mỹ và Việt Thắng là nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi đầu tiên đạt được chứng nhận này.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

a. Đối với mảng chế biến cá xuất khẩu

Xu thế phát triển của thế giới và định hướng sản phẩm của HVG: Cá tra vẫn là một thực phẩm quan trọng trên thế giới vì giá trị dinh dưỡng cao, giá cả lại hợp lý, việc nuôi và chế biến cá tra tương đối đơn giản và ít chịu nhiều biến động về dịch bệnh và thời tiết như những mặt hàng thủy sản khác. Việt Nam chiếm 85% nguồn cung cá tra trên toàn cầu, nhưng sản phẩm giá trị gia tăng chiếm tỷ trọng nhỏ tổng lượng cá tra xuất khẩu hằng năm. Hiện nay tại HVG, mặt hàng giá trị gia tăng chỉ chiếm gần 5% tổng sản lượng tiêu thụ. Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào các thị trường lớn như châu Âu, Mỹ đồng thời chú trọng chế biến mặt hàng giá trị gia tăng, nhằm một mặt gia tăng tỉ trọng mặt hàng giá trị cao so với những mặt hàng sơ chế có tỷ suất lợi nhuận kém hơn, mặt khác đa dạng hóa các danh mục sản phẩm, từ đó mở rộng xuất khẩu sang những thị trường khó tính.

Triển vọng ngành cá tra trong nước: Sự cạnh tranh gay gắt trong nội bộ ngành đang dẫn tới quá trình thanh lọc các doanh nghiệp yếu kém và mở ra triển vọng tăng trưởng cho toàn ngành với giá xuất khẩu cá tra được dự báo sẽ tăng tích cực. Các doanh nghiệp nhỏ không sở hữu nhà máy chế biến đạt tiêu chuẩn chất lượng, vay nợ cao và thường giảm giá bán để cạnh tranh, vốn đang trong tình cảnh khó khăn tài chính, sẽ phải ngừng hoạt động. Đây là yếu tố rất tích cực cho ngành bởi số doanh nghiệp xuất khẩu cá tra giảm sẽ làm cạnh tranh bớt gay gắt và lành mạnh hơn, hoạt động ổn định, kinh doanh bài bản hơn và tỷ suất lợi nhuận sẽ tăng. Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm đồng đều hơn sẽ giúp sản phẩm cá tra xuất khẩu của Việt Nam dễ dàng thâm nhập vào các thị trường lớn trên thế giới. HVG, với bề dày kinh nghiệm, thương hiệu mạnh cùng sản phẩm chất lượng tốt sẽ hưởng lợi nhiều sau giai đoạn sàng lọc thị trường này.

b. Đối với mảng chế biến tôm xuất khẩu

Năm 2014, các nguồn cung tôm lớn trên thế giới như Trung Quốc, Thái Lan có thể dần phục hồi sau Hội chứng Tôm chết sớm (EMS) nhưng khó đạt được mức độ như bình thường. Dự kiến, phải sau 2 năm, các thị trường này mới hồi phục hoàn toàn. Riêng Ấn Độ, vụ nuôi tôm thường chậm hơn Việt Nam khoảng 1,5-2 tháng. Do vậy, trong năm 2014 và 2015, cơ hội xuất khẩu tôm của Việt Nam còn rất lớn. Trong khi giá xuất khẩu của Ấn Độ có xu hướng giảm do trình độ chế biến hạn chế, giá xuất khẩu của Việt Nam tăng trong nửa đầu năm 2014 nhờ trình độ chế biến của các nhà máy tôm Việt Nam cao hơn, sản phẩm đa dạng hơn và phân khúc thị trường rộng hơn. Dự kiến, giá xuất khẩu có thể tiếp tục duy trì tốt trong năm 2015. Đây là điểm mà người nuôi và doanh nghiệp chế biến cần phải tận dụng cơ hội này. Năm nay, tôm thẻ chân trắng vẫn là mặt hàng mũi nhọn được trông đợi. Do vậy, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trương sẽ tăng diện tích và sản lượng nuôi.

Hiện nay, ngành chế biến thủy sản xuất khẩu Việt Nam được đánh giá là đang trong giai đoạn tăng trưởng, lý do:

- Ngành thủy sản đạt tốc độ tăng trưởng cao liên tục trong những năm vừa qua.
- Nhu cầu thị trường nước ngoài đối với các sản phẩm thủy sản tiếp tục tăng, nhất là các thị trường lớn như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc...
- Thị trường trong nước đối với sản phẩm thủy sản đang trên đà tăng trưởng.

Bên cạnh đó, trong cơ cấu tiêu thụ mặt hàng thủy sản trong nước chủ yếu vẫn là các mặt hàng tươi sống và chế biến theo kiểu truyền thống như nước mắm, mắm và bột cá, cá khô và các sản phẩm



khô. Các sản phẩm chế biến, đông lạnh và đóng hộp đang có xu hướng gia tăng khi các công ty chế biến thủy sản đã bắt đầu chú ý đến thị trường trong nước, sản xuất ra các sản phẩm cho thị trường nội địa và mở rộng các kênh phân phối. Các số liệu thống kê cho thấy thủy sản được đánh giá là nguồn cung cấp chính đạm động vật cho người dân. Năm 2001, mức tiêu thụ trung bình mặt hàng thủy sản của mỗi người dân Việt Nam là 19,4 kg, cao hơn mức tiêu thụ trung bình sản phẩm thịt lợn (17,1 kg/người) và thịt gia cầm (3,9 kg/người). Cũng giống như một số nước châu Á khác, thu nhập tăng đã khiến người dân có xu hướng chuyển sang tiêu dùng nhiều hơn mặt hàng thủy sản. Có thể nói ngành thủy sản có đóng góp không nhỏ trong việc bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Với sự quan tâm của chính phủ, sự chỉ đạo sát sao của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cùng với sự gắn kết chặt chẽ trong ngành thông qua VASEP, các doanh nghiệp trong ngành thủy sản Việt Nam nói chung và chế biến tôm nói riêng sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong tương lai.

c. Đối với mảng thức ăn chăn nuôi

Theo chiến lược phát triển ngành chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ước tính đến 2015, nhu cầu thức ăn chăn nuôi của Việt Nam là 18 - 20 triệu tấn/năm, đến năm 2020 là khoảng 25 - 26 triệu tấn/năm. Vì vậy, thị trường thức ăn chăn nuôi có nhiều tiềm năng.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

a. Đối với mảng chế biến cá xuất khẩu

Lợi thế từ vùng nuôi và định hướng phát triển vùng nuôi: Vì tình hình khó khăn của ngành trong những năm gần đây, nhiều nông dân lỗ nặng, thiếu vốn đang và sẽ phải bỏ ao (khoảng 30% diện tích nuôi cá đã bị bỏ hoang). Các doanh nghiệp có vùng nuôi riêng hoặc có thể bán sản phẩm với giá cao sẽ chiếm ưu thế và gia tăng thị phần. Với lợi thế từ diện tích vùng nuôi lớn tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như An Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Cần Thơ và Đồng Tháp với tổng diện tích khoảng 321 ha cung cấp được khoảng 75% nguyên liệu đầu vào cho HVG và nắm bắt được cơ hội phát triển sau đợt thanh lọc ngành, Công ty xác định đây là thời điểm thích hợp để mở rộng vùng nuôi nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào đáp ứng cho nhu cầu xuất khẩu cá tra, đặc biệt là vào Mỹ, do các công ty nhỏ trong ngành đã phá sản để lại. Ngoài ra, đối với tương lai ngành cá tra, chỉ những doanh nghiệp có chuỗi sản xuất khép kín mới không lâm vào tình trạng khó khăn tài chính và hoạt động ổn định. Chính vì vậy, ngoài việc củng cố thêm vùng nuôi tạo sự ổn định đầu vào, HVG còn chú trọng đến việc hợp tác chặt chẽ với các công ty trong Tập đoàn HVG gồm Công ty Cổ phần Thủy sản An Giang, Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng... trên phương diện chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ tài chính, thức ăn cho cá cũng như chế biến các phụ phẩm từ cá nhằm tối đa hóa tỷ suất lợi nhuận.

b. Đối với mảng chế biến tôm xuất khẩu

Theo báo cáo thị trường tôm mới nhất tại Nhật Bản, hiện nay lượng dự trữ tôm sú của Nhật Bản còn khá ít do lượng tôm nhập giảm mạnh từ Việt Nam và Ấn Độ, bởi 2 nước này đang bị áp quy định kiểm soát dư lượng Ethoxyquin. Do vậy, sắp tới nhu cầu nhập khẩu tôm sú vào Nhật Bản rất lớn. Giải quyết vấn đề Ethoxyquin không chỉ giúp tôm Việt Nam duy trì được thị phần trên thị trường này mà quan trọng hơn là giúp lấy lại được hình ảnh về chất lượng của tôm Việt Nam ở các thị trường khác.

Thêm vào đó, từ đầu năm 2014 Bộ Y tế Lào động và Phúc lợi Nhật Bản đã ra thông báo về việc nâng mức dư lượng Ethoxyquin (chất chống oxy hóa sử dụng trong sản xuất thức ăn nuôi tôm)



trong tôm Việt Nam nhập khẩu vào Nhật Bản lên 0,2 ppm (tăng 20 lần so với mức 0,01ppm quy định trước đó). Ngoài ra, Nhật Bản cũng đã quyết định dỡ bỏ quy định kiểm tra 100% lô tôm nhập khẩu từ Việt Nam về Ethoxyquin.

Với sự nới lỏng hàng rào Ethoxyquin cũng như dỡ bỏ quy định kiểm tra 100% Ethoxyquin cho tôm Việt Nam, cộng thêm giá tôm xuất sang Nhật Bản tăng cao do nguồn cung khan hiếm cũng sẽ tăng giá trị lẫn sản lượng mặt hàng xuất khẩu này trong năm 2014. Đây là cơ hội để HVG đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm tôm vào thị trường Nhật.

Hiện tại HVG thông qua các công ty liên kết đang nỗ lực triển khai việc nuôi tôm thử nghiệm theo công nghệ tiên tiến nhất, một phần nhằm chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào, mặt khác có thể kiểm soát được chất lượng và thành phẩm khi xuất sang các nước đặc biệt là Nhật Bản

c. Đối với mảng thức ăn chăn nuôi

Theo báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), thủy sản nuôi hiện là nguồn cung cấp đạm động vật tăng trưởng nhanh nhất của thế giới, đáp ứng hơn 50% lượng tiêu thụ thủy sản của thế giới và có tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 5,2% trong giai đoạn 2013-2019.

Trước tình hình sản lượng thủy sản khai thác toàn cầu đang sụt giảm trong khi dân số ngày càng bùng nổ thì nuôi trồng thủy sản được cho là có tiềm năng lớn nhất trong tương lai và có thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm có chất lượng và an toàn. Do đó, nhu cầu về thức ăn dành cho nuôi trồng thủy sản cũng được đánh giá là tiềm năng.

Chất lượng Thủy sản Việt Nam ngày càng đáp ứng những tiêu chuẩn và yêu cầu khắt khe từ các thị trường nhập khẩu. Việc lựa chọn yếu tố nguyên liệu đầu vào sạch tạo ra những sản phẩm cá sạch là ưu tiên hàng đầu của người nuôi trồng thủy sản. HVG luôn chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm thức ăn, xây dựng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm và hệ thống sản xuất đạt chuẩn quốc tế. Ngoài ra, HVG không ngừng hỗ trợ công ty con - Công ty CP thức ăn chăn nuôi Việt Thắng mở rộng sản xuất, nâng tổng công suất sản xuất thức ăn cá đạt 480.000 tấn/năm, chiếm hơn 16% thị phần thức ăn cá tra cả nước.

Với định hướng sản xuất với chu trình khép kín, mở rộng vùng nuôi và tăng cường hợp tác với các công ty con, công ty liên kết của HVG là hoàn toàn phù hợp với định hướng của toàn ngành, phù hợp với nhu cầu của thị trường thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng người lao động trong Công ty

- ❖ Tổng số lao động của riêng Công ty mẹ đến thời điểm **30/9/2014 là 1.100 người**
- ❖ Chi tiết lực lượng lao động của toàn bộ Tập đoàn như sau:

TT	Tên công ty con	Số lượng lao động
1	Công Ty Cổ Phần Hùng Vương	1.100
Công ty Con		
1	CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (AGF)	2.400
1.1	AGF- Nhà máy 7 - Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên	800



1.2	AGF- Nhà máy 8 - Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	800
1.3	AGF- Nhà máy 9 - Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên	800
2	Công Ty Cổ Phần Châu Âu	1.200
3	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Châu Á	900
4	CTCP Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng (VTF)	600
4.1	Nhà máy Sa Đéc 1 - Lô 4-2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	50
4.2	Nhà máy Sa Đéc 2 - Lô II-1, II-2, II-3, Khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	250
4.3	Nhà máy Lai Vung – Khu Công Nghiệp Sông Hậu – Đồng Tháp	300
Công ty liên kết		
1	CTCP Nuôi Trồng Thủy Sản Hùng Vương Miền Tây	120
2	CTCP Thực Phẩm Sao Ta	2.600
3	CTCP Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản Hùng Vương Vĩnh Long	110
4	Công Ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long	650

Nguồn: HVG

10.2 Chế độ làm việc; chính sách tuyển dụng, đào tạo; bảo hộ lao động; lương thưởng, trợ cấp

❖ Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc từ thứ Hai tới thứ Bảy, nghỉ ngày Chủ nhật. Do đặc điểm của sản xuất chế biến thủy sản, người lao động làm việc tại bộ phận thành phẩm và bộ phận kho được chia làm 02 ca/ngày làm việc mỗi ca làm việc 8 tiếng. Đối với khối văn phòng và các bộ phận khác chỉ làm việc 01 ca/ngày.
- Tất cả CBCNV đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn;
- Điều kiện làm việc: Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho CBCNV của Công ty. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Tuyển dụng: Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho nhà máy chế biến và từng bộ phận, phòng ban.
- Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong nhà máy chế biến cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với công nhân nhà máy chế biến, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho



công nhân. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo như các khóa đào tạo về tiêu chuẩn HACCP, các khóa đào tạo BRC (British Retail Consortium) của Hiệp hội Bán lẻ Anh Quốc.

❖ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

- Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.
- Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm tai nạn theo quy định;
- Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, công ty sẽ thưởng cho CBCNV vào các dịp Lễ, Tết;
- Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách phù hợp nhằm đảm bảo sự ổn định của lực lượng lao động như: thưởng năng suất, thưởng định mức, đảm bảo có việc làm 100% trong năm (do nhà máy không bị thiếu nguyên liệu), có nhà ở tập thể cho miễn phí cho công nhân.

10.3 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Năm 2009, Công ty thực hiện chào bán 614.000 cổ phiếu cho CBCNV có thành tích đóng góp vào sự phát triển của Công ty, với mức giá ưu đãi 10.000 đồng/cổ phần, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 10/6/2009.

Năm 2013, Công ty tiếp tục thực hiện chương trình chào bán ưu đãi cổ phiếu cho CBCNV, trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 8/5/2013, với số lượng cổ phiếu 1.203.497 cổ phiếu, giá 10.000 đồng/cổ phần.

11. Chính sách cổ tức

- ❖ Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:
 - Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
 - Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.
 - Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.
 - Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu Hội đồng quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng.
- ❖ Công ty thực hiện chính sách chi trả cổ tức cao và ổn định nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông. Đồng thời, Công ty cũng chú trọng vào đầu tư phát triển bằng cách trích lập quỹ đầu tư phát triển sản xuất hàng năm. Nhờ đó, Công ty có đủ nguồn lực để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng lợi nhuận và đảm bảo mức cổ tức hàng năm.
- ❖ ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 của Hùng Vương đã thông qua *mức chi trả cổ tức năm 2012* bằng tiền là 20%.



- ❖ ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 của Hùng Vương đã thông qua *mức chi trả cổ tức năm 2013* bằng tiền là 20%.

Ngoài ra, ĐHĐCĐ cũng đã thông qua *mức chi trả cổ tức dự kiến năm 2014* tỉ lệ 20%, chia làm 2 đợt, đợt 1 là *10% cổ tức bằng cổ phiếu* thực hiện trong Quý 3 năm 2014 và đợt 2 là *10% cổ tức bằng tiền* trên mức vốn điều lệ mới (1.319 tỷ đồng) dự kiến thực hiện trong Quý 1 năm 2015.

Bảng 8: Tỷ lệ cổ tức qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tỷ lệ chi trả cổ tức (theo mệnh giá)	20%	20%	20%

Nguồn: HVG

12. Tình hình tài chính

12.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

a. Báo cáo về vốn điều lệ và tình hình sử dụng vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ của Công ty khi mới chuyển đổi thành Công ty Cổ phần (tháng 1/2007) là 120 tỷ đồng, trải qua các đợt tăng vốn (xem thêm tại mục IV.6), vốn điều lệ tại thời điểm 30/9/2014 là 1.319.998.100.000 đồng tăng gần 11 lần so ban đầu. Đi kèm với mỗi đợt tăng vốn, Công ty thu về thặng dư vốn cổ phần. Bảng sau cho thấy sự thay đổi về vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần của Công ty qua mỗi năm như sau:

Bảng 9: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty

Năm	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng	Thặng dư vốn cổ phần
Ban đầu	120.000.000.000		
2007	394.000.000.000	274.000.000.000	627.100.000.000
2008	494.880.000.000	100.880.000.000	805.700.000.000
2009	599.999.930.000	105.119.930.000	706.724.070.000
2010	659.980.730.000	59.980.800.000	706.724.070.000
2011	659.980.730.000	-	706.724.070.000
2012	791.976.690.000	131.995.960.000	590.782.049.000
2013	1.199.999.993.000	408.023.303.000	194.793.779.000
2014 (*)	1.319.998.100.000	119.998.107.000	194.793.779.000

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất từ năm 2007 đến năm 2013 và BCTC hợp nhất tại thời điểm 30/9/2014

(*) tại thời điểm 30/9/2014



b. Báo cáo về vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn kinh doanh

Bảng 10: Bảng kê sử dụng vốn và nguồn vốn

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	31/12/2012	31/12/2013	Sử dụng vốn	Nguồn vốn
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	265.011.983.924	717.432.313.885	452.420.329.961	
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.056.618.000	321.500.000.000	320.443.382.000	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.854.425.962.762	2.740.840.688.183	886.414.725.421	
4	Hàng tồn kho	2.397.343.577.284	4.009.819.606.534	1.612.476.029.250	
5	Tài sản ngắn hạn khác	264.009.422.932	328.662.530.772	64.653.107.840	
6	Tài sản cố định	1.049.084.035.989	1.255.359.249.832	206.275.213.843	
7	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	527.330.895.830	456.046.952.599		71.283.943.231
8	Tài sản dài hạn khác	32.594.955.132	160.110.686.134	127.515.731.002	
@	Tổng cộng tài sản	6.390.857.451.853	9.989.772.027.939	3.670.198.519.317	71.283.943.231

TT	NGUỒN VỐN	31/12/2012	31/12/2013	Sử dụng vốn	Nguồn vốn
1	Nợ ngắn hạn	3.768.803.103.723	6.771.150.773.988		3.002.347.670.265
2	Nợ dài hạn	35.202.040.031	16.457.782.027	18.744.258.004	
3	Vốn cổ phần	791.976.690.000	1.199.999.930.000		408.023.240.000
4	Thặng dư vốn cổ phần	590.782.049.000	194.793.779.000	395.988.270.000	
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	641.272.760.270	762.725.521.497		121.452.761.227
6	Nguồn vốn khác	562.820.808.829	1.044.644.241.427		481.823.432.598
@	Tổng cộng nguồn vốn	6.390.857.451.853	9.989.772.027.939	414.732.528.004	4.013.647.104.090
@	Tổng mức biến động nguồn vốn và sử dụng vốn			4.084.931.047.321	4.084.931.047.321



Bảng 11: Bảng phân tích biến động nguồn vốn và sử dụng vốn năm 2013

TT	SỬ DỤNG VỐN	Số tiền (đồng)	Tỉ trọng (%)
I	Tăng tài sản	3.670.198.519.317	89,85%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	452.420.329.961	11,08%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	320.443.382.000	7,84%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	886.414.725.421	21,70%
4	Hàng tồn kho	1.612.476.029.250	39,47%
5	Tài sản ngắn hạn khác	64.653.107.840	1,58%
6	Tài sản cố định	206.275.213.843	5,05%
7	Tài sản dài hạn khác	127.515.731.002	3,12%
II	Giảm nguồn vốn	414.732.528.004	10,15%
1	Nợ dài hạn	18.744.258.004	0,46%
2	Thặng dư vốn cổ phần	395.988.270.000	9,69%
@	Tổng cộng sử dụng vốn	4.084.931.047.321	100,00%
TT	NGUỒN VỐN	Số tiền	Tỉ trọng
I	Giảm tài sản	71.283.943.231	1,75%
1	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	71.283.943.231	1,75%
II	Tăng nguồn vốn	4.013.647.104.090	98,25%
1	Nợ ngắn hạn	3.002.347.670.265	73,50%
2	Vốn cổ phần	408.023.240.000	9,99%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	121.452.761.227	2,97%
4	Nguồn vốn khác	481.823.432.598	11,80%
@	Tổng cộng nguồn vốn	4.084.931.047.321	100,00%

Năm 2013, Công ty đã sử dụng vốn cho các mục đích chủ yếu sau:

- Tăng dự trữ hàng tồn kho 1.613 tỷ đồng chiếm 39,47% tổng sử dụng vốn trong kỳ, tăng các khoản phải thu ngắn hạn cho khách hàng 886 tỷ đồng (21,7%), tăng tiền 452 tỷ đồng (11,08%), giảm thặng dư vốn cổ phần do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỉ lệ 50% tương đương 396 tỷ đồng (9,69%) và tăng các đầu tư tài chính ngắn hạn 320 tỷ đồng (7,84%) trong khi đó chỉ sử dụng vốn để tăng tài sản cố định là 206 tỷ đồng (5,05%).
- Để tài trợ cho các mục đích sử dụng vốn trên, Công ty đã sử dụng các nguồn vốn sau: tăng nợ ngắn hạn thêm 3.002 tỷ đồng, tài trợ được 73,5% tổng mức sử dụng vốn, tăng thêm vốn cổ phần 408 tỷ đồng (10%) và sử dụng nguồn vốn tự có khác 482 tỷ (11,8%).
- Như vậy, trong năm 2013 Công ty chú trọng đầu tư vốn để mở rộng quy mô sản xuất và xuất khẩu (tăng mức dự trữ hàng tồn kho). Để tài trợ cho đầu tư mở rộng, Hùng Vương đã sử dụng nguồn vốn từ bên ngoài, nguồn vốn này chiếm 73,5% tổng nguồn vốn, tăng thêm vốn góp của chủ sở hữu 10% và một phần lợi nhuận sau thuế cũng như nguồn vốn tự có khác để tài trợ chiếm 15%.
- Trong năm 2013, Công ty đã tăng nợ ngắn hạn và trả bớt nợ dài hạn, như vậy nguồn vốn tăng trong kỳ chủ yếu là tăng nguồn vốn ngắn hạn, phù hợp với mục đích sử dụng vốn chủ yếu trong kỳ là tăng tài sản ngắn hạn. Tuy nhiên, nguồn vốn ngắn hạn tăng ít hơn tài sản ngắn hạn tăng (tức tài sản ngắn hạn tăng được tài trợ một phần từ nguồn vốn dài hạn), do đó, cơ cấu tài chính của Công ty khá ổn định.



12.2 Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất: 41 năm
- Nhà cửa và vật kiến trúc: 5 - 10 năm
- Máy móc và thiết bị: 5 - 7 năm
- Thiết bị văn phòng: 6 năm
- Phần mềm máy tính: 4 năm
- Phương tiện vận tải: 3 năm
- Khác: 3 năm

12.3 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của CB-CNV Công ty trong năm 2013 là 7.300.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối cao so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trên cùng địa bàn.

12.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ, không có nợ quá hạn. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

12.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước.

12.6 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 12: Tình hình trích lập quỹ của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/9/2014
1	Quỹ đầu tư và phát triển	77.216.220.834	91.557.332.851	122.129.149.864
2	Quỹ dự phòng tài chính	75.337.534.287	89.678.646.304	118.511.091.974
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.092.052.784	5.165.564.845	-2.972.767.170

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2013 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2014



12.7 Tổng dư nợ vay

Bảng 13: Số dư các khoản vay của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/9/2014
1	Vay ngắn hạn	2.942.292.880.766	4.398.832.833.347	4.510.357.945.240
2	Vay dài hạn	15.486.049.145	0	0
3	Nợ quá hạn ngắn hạn	0	0	0
4	Nợ quá hạn trung và dài hạn	0	0	0

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2013 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2014

Bảng 14: Số dư các khoản vay Công ty Mẹ qua các năm

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/9/2014
1	Vay ngắn hạn	1.734.194.185.661	2.473.770.458.476	2.701.397.685.744
2	Vay dài hạn	0	0	0
3	Nợ quá hạn ngắn hạn	0	0	0
4	Nợ quá hạn trung và dài hạn	0	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 và BCTC Quý III năm 2014 của Công ty Mẹ

12.8 Tình hình công nợ

a. Tổng số nợ phải thu

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
1	Phải thu khách hàng	1.556.501.922.541	2.164.466.160.390	3.508.543.901.103
2	Trả trước người bán	292.977.713.483	512.451.322.672	449.425.843.133
3	Phải thu khác	155.948.432.187	287.731.552.058	254.101.839.442
4	Dự phòng nợ khó đòi	(151.002.105.449)	(223.808.346.937)	(269.784.191.907)
	Tổng cộng	1.854.425.962.762	2.740.840.688.183	3.942.287.391.771

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2014



Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu Công ty Mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
1	Phải thu khách hàng	1.234.778.640.158	1.463.622.047.109	2.190.689.592.226
2	Trả trước người bán	150.515.736.849	108.190.873.807	106.363.439.560
3	Phải thu khác	143.812.942.218	297.531.876.692	224.106.651.288
4	Dự phòng nợ khó đòi	(103.264.551.328)	(149.474.759.419)	(189.037.853.712)
	Tổng cộng	1.425.842.767.897	1.719.870.038.189	2.332.121.829.362

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 và BCTC Quý III năm 2014 của Công ty Mẹ

b. Tổng số nợ phải trả

Bảng 17: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
I	Nợ ngắn hạn	3.768.803.103.723	6.771.150.773.988	6.655.422.937.306
1	Vay ngắn hạn	2.942.292.880.766	4.398.832.833.347	4.510.357.945.240
2	Phải trả người bán	633.807.020.360	1.617.698.879.341	1.525.727.824.240
3	Người mua trả tiền trước	9.280.660.716	537.533.754.403	346.916.353.429
4	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	41.165.653.944	10.379.125.187	57.818.795.958
5	Phải trả người lao động	32.073.537.364	47.585.306.536	20.915.137.627
6	Chi phí phải trả	32.656.555.843	76.221.813.062	98.268.064.130
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	68.434.741.946	77.733.497.267	98.391.583.852
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.092.052.784	5.165.564.845	(2.972.767.170)
II	Nợ dài hạn	35.202.040.031	16.457.782.027	15.543.151.869
1	Phải trả dài hạn khác	19.715.990.886	16.457.782.027	15.543.151.869
2	Vay dài hạn	15.486.049.145	-	-
	Tổng cộng Nợ phải trả	3.804.005.143.754	6.787.608.556.015	6.670.966.089.175

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2014

**Bảng 18:** Chi tiết các khoản nợ phải trả Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
I	Nợ ngắn hạn	2.803.511.953.519	5.021.776.089.377	4.916.668.381.302
1	Vay ngắn hạn	1.734.194.185.661	2.473.770.458.476	2.701.397.685.744
2	Phải trả người bán	813.194.125.539	1.861.131.140.828	1.687.438.582.324
3	Người mua trả tiền trước	26.164.192.850	538.190.593.836	342.185.598.035
4	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	20.325.952.642	-	15.259.415.020
5	Phải trả người lao động	1.189.183.700	2.495.014.719	2.493.880.437
6	Chi phí phải trả	9.143.794.125	7.743.034.322	22.586.990.230
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	205.496.549.028	152.531.461.492	172.305.694.780
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.196.030.026)	(14.085.614.296)	(26.999.465.268)
II	Nợ dài hạn	821.465.374	36.753.930	36.753.930
1	Phải trả dài hạn khác	821.465.374	36.753.930	36.753.930
	Tổng cộng Nợ phải trả	2.804.333.418.893	5.021.812.843.307	4.916.705.135.232

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 và BCTC Quý III năm 2014 của Công ty Mẹ

12.9 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 19:** Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	9 tháng 2014
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,27	1,20	1,18
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,63	0,61	0,70
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,60	0,68	0,69
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,75	2,90	2,76
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,38	3,14	2,37
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,20	1,11	1,11
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,71%	2,68%	4,17%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	13,11%	12,66%	18,60%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	4,46%	2,96%	4,62%
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,42%	1,45%	4,01%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	2.078	2.206	3.409

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2014

**Bảng 20:** Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty Mẹ

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	9 tháng 2014
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,23	1,04	0,97
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,65	0,46	0,56
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,60	0,73	0,74
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,48	2,72	2,88
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,97	2,85	2,16
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,24	0,99	0,96
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,66%	0,49%	1,84%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	14,33%	1,80%	6,87%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	5,77%	0,48%	1,77%
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,19%	0,09%	1,94%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	3.425	277	889

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 và BCTC Quý III năm 2014 của Công ty Mẹ

13. Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát; Kế toán trưởng

13.1 Danh sách

Bảng 21: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

TT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/Hộ chiếu
I	Hội đồng Quản trị (HĐQT)			
1	Ông Dương Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	1956	012997925
2	Ông Hà Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	1978	191429766
3	Ông Lê Nam Hải	Thành viên HĐQT	1971	022341792
4	Ông Nguyễn Văn Ký	Thành viên HĐQT	1958	022868620
5	Ông Lô Bằng Giang	Thành viên HĐQT	1972	145428018
II	Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Dương Ngọc Minh	Tổng Giám đốc	1956	012997925
2	Bà Lê Kim Phụng	Phó Tổng Giám đốc	1982	311687433
III	Ban kiểm soát (BKS)			
1	Ông Võ Minh Phương	Trưởng ban BKS	1958	020077902



TT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/Hộ chiếu
2	Ông Huỳnh Tấn Trương	Thành viên BKS	1981	290684651
3	Ông Nguyễn Văn Lâm	Thành viên BKS	1969	361958738
IV	Kế toán trưởng			
1	Ông Trần Hiếu Hòa	Kế toán trưởng	1968	310760916

13.2 Sơ yếu lý lịch

a. Hội Đồng Quản Trị

■ Ông Dương Ngọc Minh – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên:		DƯƠNG NGỌC MINH
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		22/10/1956
Nơi sinh:		Thành phố Hồ Chí Minh
Số CMND:		012997925 cấp ngày 20/10/2003 tại CA TP.HCM
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú:		218/33/7 đường Minh Phụng, phường 6, Quận 6, TP.HCM
Số điện thoại liên lạc:		073 3854245
Trình độ văn hoá:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Nuôi trồng chế biến thủy hải sản
Quá trình công tác:		
Từ 1975	đến 1984:	Chỉ Huy trưởng Nông Trường Duyên Hải, Quận 6, Tp. HCM
Từ 1984	đến 1987:	Phó Giám đốc Nông trường Duyên Hải, Quận 6, Tp. HCM
Từ 1987	đến 1994:	Giám đốc Công ty Chế Biến Thủy Sản Hùng Vương
Từ 2003	đến nay:	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ CTCP Hùng Vương
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán:		Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:		■ Chủ tịch HĐQT CTCP Thức ăn Chăn Nuôi Việt Thắng ■ Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (Agifish)
Số cổ phiếu HVG đang nắm giữ (tại thời điểm 29/9/2014)		440.739.238 cổ phần, chiếm 37,28% vốn điều lệ



Trong đó:	
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	440.739.238 cổ phần, chiếm 37,28% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không có
Những người liên quan:	■ Dương Thị Ngọc Hồng: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Thị Trừ: Mẹ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Dương Ngọc Hương: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Dương Ngọc Lang: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Ngọc Huệ: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Dương Ngọc Hà: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Thị Ngọc Sương: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Văn Sang: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Văn Trọng: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG

■ **Ông Hà Việt Thắng – Phó chủ tịch HĐQT**

Họ và tên:		HÀ VIỆT THẮNG
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		04/07/1978
Nơi sinh:		Thành phố Huế
Số CMND:		191429766 cấp ngày 11/10/2004 tại Huế
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Thừa Thiên – Huế
Địa chỉ thường trú:		60 D3 Giang Văn Minh, P. An Phú, Q.2, TPHCM
Số điện thoại liên lạc:		(08) 39142668
Trình độ văn hoá:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân Bách Khoa
Quá trình công tác:		
Từ 2000	đến tháng 02/2010	Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư - Hội sở CTCP Chứng khoán Sài Gòn
Từ 2007	đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hùng Vương
Từ 2008	đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai



Từ tháng 02/2010	đến nay:	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre (FBT)
Từ tháng 04/2013	đến nay:	Thành viên HĐQT CTCP Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng (VTF)
Từ tháng 04/2013	đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC)
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán:	Phó Chủ tịch HĐQT	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	■ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai (QCG) ■ Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre (FBT) ■ Thành viên HĐQT CTCP Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng (VTF) ■ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC)	
Số cổ phiếu HVG đang nắm giữ (tại thời điểm 29/9/2014)	129.500 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ	
Trong đó:		
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Cá nhân sở hữu:	129.500 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ	
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có	
Lợi ích liên quan với Công ty:	Không có	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không có	
Những người có liên quan:	■ Hà Văn Thuận: Cha; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Chu Thị Tuyết Mai: Mẹ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Hà Thị Kiều Oanh: Chị; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Hà Thị Thanh Vân: Chị; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Hà Thị Hồng Hạnh: Chị; sở hữu 0 cổ phần HVG	



■ Ông Lê Nam Hải – Thành viên HĐQT

Họ và tên:		LÊ NAM HẢI
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		17/07/1971
Nơi sinh:		Hải Dương
Số CMND:		022341792, cấp ngày 20/02/2008
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Tiền Giang
Địa chỉ thường trú:		43 Nguyễn Đình Chi, P. 9, Q. 6, Tp. HCM
Số điện thoại liên lạc:		073 3854245
Trình độ văn hoá:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Kiểm toán viên
Quá trình công tác:		
Từ 1993	đến 1997	Nhân viên Tín dụng, Ngân hàng Quế Đô
Từ 1997	đến 2006	Kiểm toán viên, CN Công ty Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán AASC
Từ 2006	đến 2007	Phó Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM, CN Công ty Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán AASC
Từ 2007	đến 2012	Trưởng BKS CTCP Hùng Vương
Từ 2012	đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Hùng Vương
Từ 2010	đến nay	Trưởng BKS CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (Agifish)
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán:		Thành viên HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:		■ Trưởng BKS CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (Agifish)
Số cổ phiếu HVG đang nắm giữ (tại thời điểm 29/9/2014)		139.048 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
Trong đó:		
Đại diện sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:		139.048 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:		Không có
Lợi ích liên quan với		Không có



Công ty:	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không có
Những người có liên quan:	■ Đỗ Thị Hồng Vân: Vợ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lê Nam Khang: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lê Văn Ngữ: Cha; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Thị Dâu: Mẹ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lê Nam Thành: Em; sở hữu 2.162.880 cổ phần HVG

■ **Ông Nguyễn Văn Ký – Thành viên HĐQT**

Họ và tên:		NGUYỄN VĂN KÝ
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		24/02/1958
Số CMND:		022868620
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú:		233/34 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.15, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
Số điện thoại liên lạc:		073 3854245
Trình độ văn hoá:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Đại học – Chuyên ngành Nuôi trồng & chế biến thủy sản
Quá trình công tác:		
Từ 1982	đến 1992	Phó Phòng Kế hoạch, Quản đốc phân xưởng thuộc Xí nghiệp Cầu Tre
Từ 1992	đến 2001	Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Sài Gòn
Từ 2003	đến 2009	Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp Đông lạnh Việt Phú Tiền Giang
Từ 2010	đến 05/2013	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Agifish")
Từ 05/2013	đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Agifish
Từ 2013	đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Hùng Vương
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán:		Thành viên HĐQT



Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	■ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Agifish
Số cổ phiếu HVG đang nắm giữ (tại thời điểm 29/9/2014)	108.688 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
Trong đó:	
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	108.688 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không có
Những người có liên quan:	■ Trần Thanh Hằng: Vợ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Ngọc Khang: Con; sở hữu 32.000 cổ phần HVG ■ Nguyễn Thụy Hồng Ân: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Văn Tư: Cha; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Võ Thị Nhỏ: Mẹ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Thu Vân: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Thu Thủy: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Ngọc Nga: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Ngọc Dũng: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Ngọc Hà: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG

■ **Ông Lô Bằng Giang – Thành viên HĐQT**

Họ và tên:	LÔ BẰNG GIANG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/09/1972
Nơi sinh:	Hưng Yên
Số CMND:	145428018
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hưng Yên
Địa chỉ thường trú:	199 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc:	



Trình độ văn hoá:		12/12
Trình độ chuyên môn:		■ Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế, thống kê và thông tin Matxcova (MESI) - Nga (2010) ■ Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Tổng hợp Hàng không Quốc gia Kiev - Ukraina (2002)
Quá trình công tác:		
Từ 1995	đến 2000	Giám đốc Công ty Finman
Từ 2000	đến 2005	Đại diện Công ty Investlink tại Cộng hòa Ucraina
Từ 2005	đến 2007	Tổng Giám đốc Công ty "KBG Foods Ukraina" tại Cộng hòa Ucraina
Từ 2007	đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hùng Vương
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán:		Thành viên HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:		■ Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng (VBP) ■ Thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng (VBPS)
Số cổ phiếu HVG đang nắm giữ (tại thời điểm 29/9/2014)		396.000 cổ phần chiếm 0,33% vốn điều lệ
Trong đó:		
Đại diện sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:		396.000 cổ phần chiếm 0,33% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:		Không có
Lợi ích liên quan với Công ty:		Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:		Không có
Những người có liên quan:		■ Nguyễn Thu Thủy: Vợ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lô Thủy Dương Sophia: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lô Thủy Vy Kristina: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lô An Tôn: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lô Thủy Minh Melania: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lý Thị Thu Hà: Mẹ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lô Hải Yến Ngọc: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG



b. Ban Tổng Giám đốc

■ **Ông Dương Ngọc Minh: Tổng Giám Đốc – Kiêm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị**

Thông tin đã nêu tại mục Hội Đồng Quản Trị

■ **Bà Lê Kim Phụng – Phó Tổng Giám Đốc**

Họ và tên:		LÊ KIM PHỤNG
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		06/05/1982
Nơi sinh:		Tiền Giang
Số CMND:		311687433
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Tiền Giang
Địa chỉ thường trú:		Nhị Quý, Cai Lậy, Tiền Giang
Số điện thoại liên lạc:		073 3854245
Trình độ văn hoá:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Trung cấp Kinh tế
Quá trình công tác:		
Từ 2003	đến nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Hùng Vương
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán:		Phó Tổng Giám Đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:		Không có
Số cổ phiếu HVG đang nắm giữ (tại thời điểm 29/9/2014)		812.212 cổ phần, chiếm 0,68% vốn điều lệ
Trong đó:		
Đại diện sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:		812.212 cổ phần, chiếm 0,68% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:		Không có
Lợi ích liên quan với Công ty:		Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:		Không có



Những người có liên quan:	■ Lê Thanh Hải: Cha; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Thị Kha: Mẹ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lê Thị Hoàng Yến: Chị; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lê Duy Cường: Em; sở hữu 44.980 cổ phần HVG ■ Lê Duy Thịnh: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Lê Thanh Danh: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG
---------------------------	---

c. Ban Kiểm Soát

■ **Ông Võ Minh Phương – Trưởng Ban Kiểm Soát**

Họ và tên:	VÕ MINH PHƯƠNG	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	22/05/1958	
Nơi sinh:	Long An	
Số CMND:	020077902 ngày 25/09/2010 do CA Thành phố HCM cấp	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Long An	
Địa chỉ thường trú:	158/2/2 Bà Hạt, Phường 9, Quận 10, Thành phố HCM	
Số điện thoại liên lạc:	073 3854245	
Trình độ văn hoá:	12/12	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế	
Quá trình công tác:		
Từ 1980	đến 1988	Giáo viên đại học Tài chính kế toán TP.HCM
Từ 1988	đến 2001	Chủ doanh nghiệp tư nhân
Từ 2001	đến 2006	Kế toán , Kế toán trưởng Công ty CP Incomfish
Từ 2006	đến nay	Công tác tại Công ty Cổ phần Hùng Vương
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán:	Trưởng Ban Kiểm Soát	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	■ Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng (VTF) ■ Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre (FBT)	
Số cổ phiếu HVG đang nắm giữ (tại thời điểm 29/9/2014)	54.700 cổ phần, chiếm 0.05% vốn điều lệ	
Trong đó:		



Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	54.700 cổ phần, chiếm 0.05% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không có
Những người có liên quan:	■ Phan Thị Oanh: Vợ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Võ Thị Phương Linh: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Võ Thị Ngọc Hoa: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Võ Thị Phương Mai: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Võ Thị Ngọc Châu: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Võ Văn Phúc: Cha; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Thị Bê: Mẹ; sở hữu 0 cổ phần HVG

■ **Ông Nguyễn Văn Lâm – Thành viên Ban Kiểm Soát**

Họ và tên:	NGUYỄN VĂN LÂM	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	28/12/1969	
Nơi sinh:	thôn 15, xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	
Số CMND:	361 958 738	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Quảng Nam	
Địa chỉ thường trú:	16/38, đường 30/4, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	
Số điện thoại liên lạc:	073 3854245	
Trình độ văn hoá:	12/12	
Trình độ chuyên môn:	Bác sĩ thú y	
Quá trình công tác:		
Từ 1993	đến 2007	làm việc tại Cty CP Việt – Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco
Từ 2007	nay	Giám đốc Cty CP Thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán:	Thành viên Ban Kiểm Soát	



Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Cty CP Thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam
Số cổ phiếu HVG đang nắm giữ (tại thời điểm 29/9/2014)	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không có
Những người có liên quan:	■ Trần Thị Lan Hương: Vợ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Bảo Châu: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Trần Trâm Anh: Con; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Văn Luy: Cha; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Đỗ Thị Dày: Mẹ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Thị Mỹ Lệ: Chị; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Văn Thành: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Thị Mỹ Lê: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Thị Mỹ Ly: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Nguyễn Văn Là: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG

■ **Ông Huỳnh Tấn Trương – Thành viên Ban Kiểm Soát**

Họ và tên:	HUỲNH TẤN TRƯƠNG
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1981
Nơi sinh:	Tây Ninh
Số CMND:	290684651
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tây Ninh
Địa chỉ thường trú:	Phước Thạnh, Châu Thành, Tiền Giang
Số điện thoại liên lạc:	073 3854245
Trình độ văn hoá:	12/12



Trình độ chuyên môn:		Đại học
Quá trình công tác:		
Từ 2005	đến 2007	CTCP Quốc tế Interline
Từ 2007	đến 2010	CTCP Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây
Từ 2010	nay	■ Kế toán CTCP Hùng Vương Châu Âu ■ Thành viên Ban kiểm soát CTCP Agifish
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán:		Thành viên Ban Kiểm Soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:		■ Kế toán CTCP Hùng Vương Châu Âu ■ Thành viên Ban kiểm soát CTCP Agifish
Số cổ phiếu HVG đang nắm giữ (tại thời điểm 29/9/2014)		34.900 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ
Trong đó:		
Đại diện sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:		34.900 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:		Không có
Lợi ích liên quan với Công ty:		Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:		Không có
Những người có liên quan:		■ Nguyễn Thị Minh Hiếu: Vợ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Huỳnh Thị Phương: Mẹ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Huỳnh Tấn Thành: Anh; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Huỳnh Tấn Trung: Anh; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Huỳnh Tấn Thương: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Huỳnh Thị Như Thủy: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG



d. Kế toán trưởng

■ **Ông Trần Hiếu Hòa – Kế Toán Trưởng**

Họ và tên:		TRẦN HIẾU HÒA
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		14/02/1968
Nơi sinh:		Tiền Giang
Số CMND:		361 958 738
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Bắc Chan, Mộc Hóa, Long An
Địa chỉ thường trú:		18/5A Đốc Binh Kiều, P.2, T.P Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Số điện thoại liên lạc:		073 3854245
Trình độ văn hoá:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Đại học
Quá trình công tác:		
Từ 1988	đến 1992	Nhân viên Phòng Tài chính Kế hoạch Thương nghiệp, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
Từ 1992	đến 1994	Kế toán trưởng Trung tâm Dạy nghề TP.Mỹ Tho, Tiền Giang
Từ 1997	đến 1999	Kế toán Công ty Lương thực Tiền Giang
Từ 1999	đến 2003	Kế toán Công ty Phát triển Nhà Mỹ Tho, Tiền Giang
Từ 2003	đến 2007	Kế toán trưởng Công ty TNHH Hùng Vương
Từ 2007	nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hùng Vương
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán:		Kế toán trưởng
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:		Không có
Số cổ phiếu HVG đang nắm giữ (tại thời điểm 29/9/2014)		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:		
Đại diện sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Cá nhân sở hữu:		0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:		Không có
Lợi ích liên quan với		Không có



Công ty:	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không có
Những người có liên quan:	■ Mai Thị Kim Loan: Vợ; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Trần Nghĩa Hiệp: Cha; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Trần Mỹ Ngân: Chị; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Trần Thị Minh Hà: Chị; sở hữu 0 cổ phần HVG ■ Trần Hiếu Thuận: Em; sở hữu 0 cổ phần HVG

14. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 22: Tài sản cố định hữu hình của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TSCĐ Hữu Hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
01/01/2014	558.298.095.638	952.315.126.331	75.823.856.015	8.240.756.340	5.381.632.315	1.600.059.466.639
30/09/2014	607.234.606.475	922.445.998.483	77.852.727.485	7.441.941.346	5.381.632.315	1.620.356.906.104
Giá trị khấu hao lũy kế:						
01/01/2014	175.493.173.336	439.798.345.000	40.571.327.501	5.905.329.395	3.531.198.801	665.299.374.033
30/09/2014	200.478.591.156	489.858.611.815	46.198.240.698	6.260.881.022	3.812.323.831	746.608.648.522
Giá trị còn lại:						
01/01/2014	382.804.922.302	512.516.781.331	35.252.528.514	2.335.426.945	1.850.433.514	934.760.092.606
30/09/2014	406.756.015.319	432.587.386.668	31.654.486.787	1.181.060.324	1.569.308.484	873.748.257.582

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2014

Bảng 23: Tài sản cố định vô hình của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TSCĐ Vô Hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
01/01/2014	95.832.909.478	942.957.305	926.532.000	97.702.398.783
30/09/2014	95.832.909.478	942.957.305	926.532.000	97.702.398.783
Giá trị khấu trừ lũy kế:				
01/01/2014	3.321.729.303	644.513.628	489.756.736	4.455.999.667
30/09/2014	5.234.758.182	732.043.992	632.278.639	6.599.080.813
Giá trị còn lại:				
01/01/2014	92.511.180.175	298.443.677	436.775.264	93.246.399.116
30/09/2014	90.598.151.296	210.913.313	294.253.361	91.103.317.970

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2014



15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

15.1 Kế hoạch

Dựa trên tình hình sản xuất hoạt động kinh doanh hiện tại, Công ty Cổ phần Hùng Vương đã đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2014 với những chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Dự kiến năm 2014		Dự kiến năm 2015	
			Giá trị	(+/-) so với 2013	Giá trị	(+/-) so với 2014
1	Doanh thu thuần	11.042.964	14.000.000	27%	20.000.000	43%
2	Lợi nhuận trước thuế	292.160	700.000	140%	1.000.000	43%
3	Tỷ lệ LNTT/Doanh thu thuần	3%	5%		5%	
4	Cổ tức	20%	20%	-	30%-40%	50%-100%

Nguồn: Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2014 – 2015 của HVG

Năm 2014, Công ty đặt kế hoạch doanh thu 14.000 tỷ đồng, tăng 27%, lợi nhuận trước thuế đạt 700 tỷ đồng, tăng 140% so với năm 2013, HVG đặt kế hoạch cổ tức 20% bằng tiền mặt trong năm 2014. Tính đến hết quý 3/2014, HVG đã hoàn thành được 77% kế hoạch doanh thu (tương đương 10.788 tỷ) và 71% kế hoạch lợi nhuận trước thuế (tương đương 496 tỷ).

Năm 2015, Công ty dự kiến đạt mức doanh thu 20.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.000 tỷ đồng. Tỷ lệ cổ tức dự kiến từ 30% đến 40% hình thức chi trả cả bằng tiền mặt và cổ phiếu.

15.2 Căn cứ để đặt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Trong năm 2014, kỳ vọng doanh thu sẽ tăng mạnh do triển vọng từ doanh thu thủy sản và doanh thu bán đậu nành. Tình hình xuất khẩu thủy sản của Việt Nam có những dấu hiệu tích cực như Nga đã dỡ bỏ lệnh cấm đối với 7 Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, giá trị xuất khẩu thủy sản 8 tháng đầu năm 2014 đạt 4,95 tỷ USD, tăng 25% so với 8 tháng đầu năm 2013. Riêng với mặt hàng cá tra, được biết vùng nguyên liệu cá tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long rất thất thường, cụ thể sản lượng cá tra trong 8 tháng đầu năm 2014 giảm so với 8 tháng đầu năm 2013 ở một số tỉnh thành như Vĩnh Long sản lượng đạt 64,104 tấn, giảm 7%, Đồng Tháp đạt 208.639 tấn giảm 3,4%, Bến Tre đạt sản lượng 108.200 tấn giảm 9,1%. Sản lượng cá nguyên liệu biến động thất thường và sụt giảm có thể tác động nâng mặt bằng chung giá xuất khẩu cá tra trong 6 tháng đầu năm tăng. Trong khi đó, HVG có khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu gần 80%, do đó công ty có thể hạn chế được sự tăng giá nguyên liệu. Ngoài ra, mảng kinh doanh đậu nành cũng sẽ đóng góp doanh thu đáng kể trong năm 2014.

Trong năm 2015, HVG dự kiến sẽ tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu VTF (trên 90%), AGF (85%), Hùng Vương Miền Tây (80%) và FMC (trên 51%). Theo đó, với 2 mảng kinh doanh chính là cá tra và thức ăn chăn nuôi tiếp tục được đẩy mạnh, Công ty đưa ra mục tiêu doanh thu 20,000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 1,000 tỷ đồng (tăng 43% so với kế hoạch năm 2014). Đồng thời, trong năm 2015, Công ty thử nghiệm mảng nuôi tôm với mục tiêu trở thành doanh nghiệp xuất khẩu tôm hàng đầu trong năm 2016.



16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Hùng Vương cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của Công ty và tình hình nền kinh tế trong thời gian gần đây, chúng tôi nhận thấy kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Ngay sau khi Công ty thực hiện Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty sẽ thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam toàn bộ số lượng cổ phần thực tế chào bán được.

Thời gian đưa toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm này vào giao dịch tại HOSE dự kiến chậm nhất là quý 2/2015.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 16/5/2014 đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2014 như sau:

- Đợt 1: Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10%: dự kiến thực hiện trong Quý 3 năm 2014 theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2014;
- Đợt 2: Cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 10% tương đương 1.000 đồng/CP trên vốn điều lệ 1.319 tỷ đồng: dự kiến thực hiện trong Quý 1 năm 2015.

Đến thời điểm 31/10/2014, Công ty đã hoàn tất thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014. Đợt 2, dự kiến sẽ chi trả vào quý 1 năm 2015.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký

Không có.



V. CỜ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành: 57.199.917 cổ phiếu, trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 43.999.936 cổ phiếu
- Phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu: 13.199.981 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách một cổ phiếu của HVG tại thời điểm 30/9/2013 là:

Khoản mục	30/9/2014	
	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính riêng
Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	2.420.063.914.811	1.708.669.151.670
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (đồng)	1.319.998.100.000	1.319.998.100.000
Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2014	18.334	12.944
Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/9/2014 điều chỉnh theo kết quả phát hành tăng vốn điều lệ lên 1.891.997.270.000 đồng	15.117	11.357

- Giá thị trường bình quân 60 phiên (từ ngày 4/11/2014 trở về trước) là 28.577 đồng/cổ phần.
- Giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Hùng Vương (Mã CK: HVG) đánh giá theo giá trị sổ sách và giá thị trường là từ 15.117 đồng/cổ phần đến 28.577 đồng/cổ phần.
- Căn cứ vào giá trị sổ sách và giá trị thị trường nêu trên kết hợp với tình hình thị trường hiện tại và mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau phát hành, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 06 tháng 11 năm 2014 đã thông qua phương án phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 3:1 có mức giá là: **10.000 đồng/cổ phần**



6. Phương thức phân phối

6.1 Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 3:1

- Số lượng cổ phần dự kiến chào bán: 43.999.936 cổ phần
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 439.999.360.000 đồng
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 3:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua và cứ 03 quyền mua sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu mới theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị)
- Phương án xử lý cổ phần lẻ và cổ phần không bán hết: Đối với cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và cổ phần còn thừa do cổ đông hiện hữu không mua hết và/hoặc từ chối mua và/hoặc đến hết hạn đóng tiền mua cổ phiếu mà không đóng tiền mua (sau đây gọi tắt là “**Số Cổ Phiếu Còn Lại**”): Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán, giá chào bán theo nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phần) và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Phân phối và thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (“quyền mua”)
 - Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua và cứ 03 quyền mua sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu mới theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - Ví dụ: Cổ đông A (vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) sở hữu 301 cổ phiếu HVG tương ứng với 301 quyền mua, số cổ phiếu mới được quyền mua là $301:3=100,33$ cổ phiếu, được làm tròn là 100 cổ phiếu.
 - Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các Công ty Chứng khoán (“CTCK”) – Thành viên Lưu ký của VSD.
 - Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.
- Chuyển nhượng quyền mua

Trong thời hạn tối thiểu 20 ngày để đăng ký mua, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có nhu cầu, việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 10 ngày kể từ ngày hết hạn đặt mua cổ phiếu phát hành thêm

Đối với cổ đông đã lưu ký

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch, với thủ tục cụ thể như sau:

- i. Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại CTCK bên chuyển nhượng mở tài khoản lưu ký. CTCK bên chuyển nhượng chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về thông tin chuyển nhượng quyền mua của các bên. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng chưa mở tài khoản thì phải mở tài khoản tại một CTCK.
- ii. Việc xác nhận chuyển nhượng quyền mua giữa các cổ đông do VSD thực hiện.
- iii. Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán, CTCK bên chuyển nhượng phải nhập giao dịch chuyển nhượng quyền mua qua cổng giao tiếp điện tử và gửi đến VSD các chứng từ sau:
 - Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua chứng khoán



- Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin tại trang web của các Sở giao dịch chứng khoán (nếu có) về việc chuyển nhượng quyền mua của các đối tượng thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định.
- Tài liệu liên quan khác (nếu có).
- iv. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nhượng quyền mua đầy đủ và hợp lệ, VSD xác nhận vào Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua và gửi cho CTCK liên quan.

Đối với cổ đông chưa lưu ký:

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại Phòng Kế toán – Trụ sở chính Công ty Cổ phần Hùng Vương - Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam .

■ **Đăng ký thực hiện quyền mua**

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, đăng ký thực hiện quyền mua tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (*đối với cổ đông đã lưu ký*) hoặc tại Phòng Kế toán – Trụ sở chính Công ty Cổ phần Hùng Vương - Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam (*đối với cổ đông chưa lưu ký*).

Hết thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

- Số cổ phần ưu tiên chào bán theo tỷ lệ, đối với số cổ phần lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phần không bán hết, HĐQT ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán, giá chào bán với nguyên tắc giá chào bán không được thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

6.2 Phát hành thêm 13.199.981 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu là 10:1 (tỷ lệ 10%)

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 13.199.981 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 131.999.810.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua đã nêu tại Mục V.6.1 trên. Cổ đông có tên trong danh sách này sẽ đồng thời nhận quyền mua cổ phần phát hành thêm và quyền nhận cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Tỷ lệ thực hiện: 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu mới)
- Quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng
- Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: Đối với cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn số sẽ bị hủy bỏ
- Nguồn thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết HĐQT bất thường ngày 06/11/2014 dự kiến khoảng **131.999.810.000 đồng**, được trích toàn bộ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Dưới đây là lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến cho nhà đầu tư, tuy nhiên, tùy tình hình thị trường, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo lợi ích cao nhất cho Cổ đông; và đảm bảo việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Lịch trình phân phối cổ phiếu chính thức sẽ được công bố chính thức khi Công ty được UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.



7.1 Đối với đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 3:1

- Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng (“Giấy chứng nhận”), nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận có hiệu lực. Thời gian phân phối dự kiến trước quý II/2015.
- Lịch trình phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư dự kiến như sau:

Bảng 24: Lịch trình phân phối cổ phiếu

Ngày D là ngày theo lịch

Bước	Công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1.	Nhận được Giấy chứng nhận của UBCKNN	D
Bước 2.	Công bố Bản thông báo phát hành	D+7
Bước 3.	Gửi hồ sơ thông báo thông báo thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (i)	D+12 – D+14
Bước 4.	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua cổ phiếu (ii)	D+17 – D+20
Bước 5.	Cổ đông nhận được Thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu (“thông báo”)	D+26 – D+28
Bước 6.	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu (iv)	D+36 – D+38
Bước 7.	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần (v)	D+46 – D+48
Bước 8.	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm (vi)	D+55 – D+57
Bước 9.	HĐQT phân phối đối với số cổ phần lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phần không bán hết (<i>dự kiến khoảng 2 tuần</i>) (vii)	D+69 – D+71
Bước 10.	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCK (viii)	D+79 – D+89
Bước 11.	Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung	D+89 – D+99
Bước 12.	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch	D+94 – D+104

- (i) Bước 3: theo quy định, gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ tới VSD chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng (“ngày đăng ký cuối cùng” là ngày làm việc do Công ty ấn định để xác định Danh sách người sở hữu cổ phiếu HVG được hưởng quyền mua thêm cổ phiếu (“danh sách”). Ngày D+14 là ngày đăng ký cuối cùng)
- (ii) Bước 4: theo quy định, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty danh sách
- (iii) Bước 5: theo quy định, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, CTCK gửi cổ đông HVG thông báo



- (iv) Bước 6: theo quy định tại mục V.6 Chuyển nhượng quyền mua, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 10 ngày của ngày cuối cùng đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm.
- (v) Bước 7: theo quy định, thời hạn đăng ký mua (kể từ khi cổ đông nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu) tối thiểu là 20 ngày.
- (vi) Bước 8: theo quy định, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đặt mua cổ phiếu phát hành thêm
- (vii) Bước 9: theo quy định, Công ty phải hoàn thành việc phân phối cổ phiếu trong vòng 90 ngày
- (viii) Bước 10: theo quy định, trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (*NĐ.58: Ngày hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu được chào bán từ các nhà đầu tư*)

7.2 Đối với đợt phát hành Cổ Phiếu Thường tỷ lệ 10:1

Thực hiện ngay khi UBCK cấp Giấy phép phát hành, cùng thời gian với đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tại Mục V.7.7.1

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

Phương thức thanh toán: đối với cổ đông đã lưu ký, các cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản; đối với cổ đông chưa lưu ký, các cổ đông đăng ký mua tại Phòng Kế toán – Trụ sở chính Công ty Cổ phần Hùng Vương - Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam đồng thời nộp tiền mua vào tài khoản phong tỏa (xem số tài khoản phong tỏa tại mục V.13).

Chuyển giao cổ phiếu: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCK, sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE và đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện đồng thời (i) chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty và (ii) phát hành cổ phần để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (*hay còn gọi là phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu, sau đây gọi tắt là Cổ Phiếu Thường*).

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu và quyền nhận Cổ Phiếu Thường, thực hiện quyền (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại Mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.



10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài, Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu Tư và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại HOSE, các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;
- Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty tính đến ngày 5/11/2014 là 8,83% vốn điều lệ (*nguồn: HOSE*)

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng 01 (một) lần. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.
- Quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng
- Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành và thưởng cho cổ đông hiện hữu trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

12. Các loại thuế liên quan

Thông tin tóm tắt về các loại thuế có liên quan được trình bày tóm tắt dưới đây với mục đích tham khảo và có thể còn thiếu sót các loại thuế khác theo quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần tự nộp thuế theo các quy định của pháp luật.

12.1 Đối với Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 22% áp dụng từ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

b. Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của *Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008* và các văn bản hướng dẫn thi hành.

12.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:



Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần, Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại *tiết a điểm 2,2,2 mục II Phần B Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNCN và cá nhân chuyển nhượng* vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần, cuối năm cá nhân thực hiện quyết toán thuế,

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

■ Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

■ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định *Thông tư 130/2008/TT-BTC* thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại *Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008*.

■ Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại *Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008*.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty:

- Tên người thụ hưởng : Công ty Cổ phần Hùng Vương
- Số tài khoản : 0071000814743
- Mở tại Ngân hàng : Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Hồ Chí Minh



VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Để đáp ứng nhu cầu vốn hoạt động kinh doanh và đầu tư phát triển, ĐHCĐ của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng vào mục đích bổ sung vào vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là: 439.999.360.000 đồng

Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được Công ty sử dụng để bổ sung vào vốn lưu động đối với hoạt động kinh doanh hằng ngày với mục đích tăng doanh thu trong năm 2015. Việc tài trợ cho vốn lưu động của Công ty thông qua đợt phát hành lần này cũng giúp Công ty giảm sự phụ thuộc vào vay ngân hàng và áp lực lãi vay mà vẫn đảm bảo nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi tiết nhu cầu vốn lưu động và kế hoạch giải ngân như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Sản phẩm, dịch vụ	Sử dụng từ đợt phát hành lần này	Kế hoạch sử dụng
1	Phục vụ cho hoạt động nuôi trồng	300.000.000.000	Trong năm 2015
2	Mua nguyên vật liệu	139.999.360.000	Trong năm 2015
	Tổng cộng	439.999.360.000	

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức Chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính: Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại: (84.73) 385 4245 Fax: (84.73) 385 4248

Website: www.huongvuongpanga.com

2. Tổ chức Kiểm toán

CÔNG TY TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Bitexco Financial Tower, Tầng 28, Số 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 5252 Fax: (84.8) 3824 5250

Email: eyhcmc@vn.ey.com Website: www.ey.com



3. Tổ chức Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Hội sở

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897 Fax: (84.8) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội,

Điện thoại: (84.4) 3936 6321 Fax: (84.4) 3936 6311

Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“SSI”) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Tuy đợt chào bán lần này không được bảo lãnh phát hành, nhưng với sự phục hồi của thị trường chứng khoán trong vài tháng gần đây cộng với việc HVG chào bán với giá khá hấp dẫn 10.000 đồng/cổ phiếu trong khi giá thị trường tại thời điểm 05/11/2014 là 32.800 đồng/cổ phiếu thì SSI cho rằng đây là cơ hội tốt cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu HVG và khả năng Công ty chào bán thành công cao.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

Đại lý phát hành

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các Công ty Chứng khoán (“CTCK”) – Thành viên lưu ký của VSD. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông

Các khoản phí và điều kiện kèm theo

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, đối với cổ đông đã lưu ký, nộp tiền mua cổ phiếu tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch; đối với cổ đông chưa lưu ký, nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa (xem số tài khoản phong tỏa tại mục V.13). Giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu phát hành thêm.

Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng. Công ty sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung để đưa số lượng cổ phiếu phát hành thêm vào giao dịch.



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG



**IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17... tháng 12... năm 2014

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG (HVG)



DƯƠNG NGỌC MINH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị - kiêm Tổng Giám đốc

Trần Hiếu Hòa
Kế toán trưởng

Võ Minh Phương
Trưởng Ban kiểm soát

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)



Nguyễn Thị Hương Giang

Giám đốc phụ trách phía Nam - Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư



X. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh CTCP Hùng Vương
- Phụ lục 2:** Bản sao hợp lệ Điều lệ CTCP Hùng Vương
- Phụ lục 3:** BCTC kiểm toán năm 2012: hợp nhất và của Công ty Mẹ
- Phụ lục 4:** BCTC kiểm toán năm 2013: hợp nhất và của Công ty Mẹ
- Phụ lục 5:** BCTC Quý III năm 2014: hợp nhất và của Công ty Mẹ
- Phụ lục 6:** Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 06 tháng 11 năm 2014 thông qua phương án chào bán
- Phụ lục 7:** Các phụ lục khác.